

THẬP MỤC NGŨ ĐỒ TỤNG  
LUẬN GIẢI

**THẬP MỤC NGŨ ĐỒ TỤNG  
LUẬN GIẢI**

**Nguyên tác : Quảng Trí Thiên Sư**

**Việt dịch : Trần Đình Sơn**

**An Tiêm in tại hải ngoại**

**Paris, năm 2000**

**\***

**NHÀ XUẤT BẢN AN TIÊM**  
**3 Rue Vincent Van Gogh**  
**95170 Deuil La Barre. France**

QUẢNG TRÍ THIỀN SƯ

THẬP MỤC  
NGŨ ĐỒ TỤNG

LUẬN GIẢI

*Nguyên tác* : Quảng Trí thiền sư

*Việt dịch* : Trần Đình Sơn

at

AN TIÊM



## Lời giới thiệu

*Mười bức tranh chẵn trâu (Thập mục ngư đồ) là hình thức dạy “thuật luyện tâm”. Nó được hình thành từ lúc nào không rõ. Chính ngài Vân Thê Châu Hoằng đời nhà Minh — Trung Quốc — trong lời tựa cho mười bức tranh ấy cũng nói là chưa rõ có phải do tay một người hay không ?*

*Trong tục tọng hiện có hai loại tranh chẵn trâu. Một là tranh Đại thừa, hai là tranh Thiền tông. Phổ Minh thiền sư và Cự Triệt thiền sư, mỗi vị lại làm mười bài thi tụng cho mười bức tranh này (ngài Châu Hoằng cũng không rõ Phổ Minh là ai ? ở đâu ?). Trong bản Tân khắc Thiền tông Thập Mục ngư đồ do Hồ Văn Hoán soạn, tập còn in thêm mười bức tranh “Khổ lạc như duyên” cũng một ý nghĩa là dạy “Thuật luyện tâm”.*

Mười bức tranh thi tụng này đến Việt Nam lúc nào không rõ. Trong các cuốn lịch sử Phật giáo Việt Nam hiện có cũng không thấy đề cập vị thiền sư hay cư sĩ nào nhắc nhở đến mười bức tranh này. Nay Phật tử Trần Đình Sơn đưa tới nhờ tôi xem tập “Thập mục ngữ đồ tụng luận giải” của ngài Quảng Trí, thiền sư Việt Nam thời Lê Dụ Tông, mà Phật tử đã sưu tầm, phiên dịch từ bản chữ Hán và chú thích kỹ lưỡng. Nhận được sách tôi rất mừng vì thấy đây là một phát hiện mới làm phong phú thêm cho cuốn lịch sử của Phật giáo Việt Nam được đầy đủ hơn.

Ngài Quảng Trí đã giải luận mười bài thi tụng của Phổ Minh thiền sư, lời văn rất sáng sủa, ý nghĩa rất uyên bác, chú trọng thức tỉnh lòng người học tu đúng chính pháp, như ngài nói : “Lập luận không phải quý ở chỗ đàm luận rộng tuyện vô bổ, mà quý chính là ở lời nhắc nhở, cảnh tỉnh người đời. Thật vậy, đọc ngài ta mới thấy chỗ dụng tâm tha thiết đó. Ngài lại được nhà vua đương thời tới chùa thăm viếng, hỏi chỗ hành trì mà viết ra văn bản giải luận này để trình nhà vua như vậy chứng tỏ rằng ngài cũng là một vị thiền sư thạch trụ chốn tông lâm. Tuy không được như ngài Chân Nguyên thiền sư đương thời từng được vua Lê Dụ Tông phong chức Quốc sư và có một vị trí sáng chói trong lịch sử Phật giáo ở Đàng Ngoài thời đại Lê Dụ Tông.

Trước khi vào chính luận, ngài có viết một đoạn

*luận về chưa chặn, toàn đề cập những hạng trong giới xuất gia mà không nói gì đến hạng tại gia. Phải chăng ngài cho rằng hạng tại gia đã hẳn là hạng chưa chặn cho nên không nói đến mà chỉ cốt nói đến những hạng người trong giới xuất gia là hạng gọi là chặn, hoặc chặn chưa tới nơi tới chốn. Quả đây là lời nhắc nhở thâm hậu của ngài đối với kẻ tu hành.*

*Để khỏi thất lạc một bản văn quý báu như vậy, tôi thành kính giới thiệu đến quý độc giả công trình sưu tập và dịch thuật này của Phật tử Trần Đình Sơn.*

Từ Đàm, ngày 04 tháng 03 năm 1990

HT. Thích Thiện Siêu





## Lời đầu sách

Năm 1985, lên thăm Đà Lạt, duyên may gặp lại anh Phan Thái, người bạn vong niên mà tôi rất quý mến. Biết tính tôi thích cổ ngoạn, lúc chia tay anh có trao tặng một tập sách xưa, tựa là “Thập mục ngư đồ tụng luận giải”. Sách là vật trân bảo, được gia đình đưa từ Huế vào sau biến cố Mậu Thân (1968). Nhận sách quý, lòng tôi vô cùng hoan hỉ. Đây là tác phẩm của một cao tăng Việt Nam ở Đàng Ngoài vào thời Lê Trịnh và được chép lại vào khoảng thời Nguyễn-Tự Đức, nội dung chứa đựng những kiến giải uyên thâm về pháp môn “Chấn trầu” rất phổ biến trong giới tu thiền.

Tôi phát tâm chuyển dịch sang Việt ngữ không ngoài mục đích lợi mình và lợi người trong việc học Phật, khiến cho lời dạy của tổ xưa mãi mãi vang lên để cảnh tỉnh hàng sơ cơ nhập đạo như tôi, tránh được đường tà mà tiến vào cửa giải thoát. Đồng thời cũng là để giới thiệu một tài liệu chữ Hán của tiền nhân đã trải qua ba trăm năm nay may mắn chưa bị mai một vì binh lửa. Hạt sương công đức này thành tựu là nhờ sự tùy hỷ và duyệt chính của nhiều thiện trí thức mà tôi may mắn được gần gũi.

Nguyện được hòa nhập trong biển công đức vô biên của công việc hồng pháp lợi sinh.

*Pl. 2535. Mùa Vu lan thắng hội*

**Phật tử Trần Đình Sơn**



**LUẬN GIẢI**  
**CÁC BÀI TỤNG TRANH CHẶN TRÂU**  
(MỤC NGƯU ĐỒ TỤNG LUẬN GIẢI)

Kính dâng Thánh thượng bằng số luận các bài tụng về tranh **chặn trâu**.

Tu sĩ Pháp Thông, hiệu Quảng Trí, chùa Trấn Hải.

Kính nhớ vào tháng 3 năm Kỷ Hợi (1) mong ơn, Thánh Thượng ngự giá tới chùa vào ngày vía Di đà, trong lúc chúng tăng quỳ lạy nghênh tiếp, riêng tôi được đặc ân gọi vào. Thánh thượng đoái thương, cho ngồi uống trà lại chiếu cố hỏi han sau trước. Lòng tôi vô cùng cảm sợ, mỗi mỗi đều giải đáp, trình bày, mắt chẳng dám nhìn lên, chỉ biết cúi đầu cung kính.

Ơn Thánh thượng to lớn, Ngài đã chiếu cố hỏi han về đời tôi, từ ngày còn tại tục cho tới lúc xuất gia. Ngài còn gạn rằng: “Suốt bao năm qua, người bỏ việc đời sống

vào rừng suối, vậy có trường dưỡng thêm được điều gì chẳng ?”.

Tôi hết lòng kính ngưỡng Phật tâm quảng đại, kiên cố của Thiên tử, thế nên cố tạc dạ ghi lòng những lời vàng ngọc mà Ngài đã ban bố. Đó là huấn thị về việc thay cũ đổi mới để cho đất Phật được sống động một cách quy mô. Đó cũng chính là đem lại sự phồn vinh trong tình quân dân cá nước.

Quả thật Thiên tử khi xét thì chí chân, khi nghiệm thì cùng đích. Ngàn ấy nhân lành cũng đủ cảm hóa lương dân, làm cho phước tăng tội diệt và đem lại sự thịnh vượng đời đời vậy.

Hoàng thượng cũng thường sắm sửa những đồ quý báu để dâng cúng vào trong mỗi dịp lễ Tam Nguyên (2), lại cung cấp vật dụng thích hợp thời tiết bốn mùa, nhờ vậy hàng tăng lữ không bao giờ thiếu hụt. Quả thật là ân đức lớn trong cửa Phật vậy. Chúng tôi thực khó ngăn nổi sự vui mừng bộc lộ. Kế đó tôi lại được Thánh thượng gạn hỏi về “Sách dạy Chấn Trâu”. Lúc ấy thực tình thì tôi thưa thốt chẳng chút gì rõ ràng. Đợi đến hôm nay, tôi mới cẩn trọng đem lời giải thích của sách xưa và có kèm theo chút phần xét nghiệm riêng có. Đó là nếu sự giải thích trong sách chưa được đầy đủ rộng rãi thì được sửa đổi thêm thắt đôi lời, nếu thấy rườm rà không cần thiết lại lược thâu, bỏ bớt. Giờ đây một bản mới được thành hình. Trong đây, trên mỗi bức tranh lại vẽ thêm tranh để

được xem như lời trùng giải. Với tất cả lòng cung kính xin đệ trình và ngưỡng cầu ý chỉ của Hoàng thượng. Dù mạo cảm rằng Ngài vốn bận rộn vạn việc, nhưng cúi xin được xem qua thoảng lúc rỗi rảnh. Nếu trong sự mạo muội giải bày này có chỗ sai ngoa xin Ngài xóa bỏ, bằng được chút ít gì xác đáng, xin Ngài cho phổ biến rộng rãi thêm ra. Được vậy, hậu bối chẳng mất vốn học thuật ngày trước, lại tăng trưởng bội phần cái kiến thức hiện thời. Nhờ đó người tu hành có được thượng duyên hân hữu để hoạch đắc những thắng quả rạng ngời.

Tôi trộm xét các tình tiết trong sự sắp xếp của chư Tổ xưa cũng dựa vào ý nghĩa việc “Chăn Trâu”. Nhưng ở đây, lời giải thích của tôi có chỗ cạn hẹp thiếu sót e làm cho Thánh thượng nhầm chán khi xem qua.

Thánh thượng quả có sức học uyên thâm đã hỏi đến chỗ dụng trí “điều khiển trâu”. Chúng tôi chẳng nề sự dốt nát của mình cung kính đệ trình lên Thánh thượng bản luận giải này với lòng mong mỗi được thẩm định.

*Ngày rằm tháng 5 — năm Vĩnh Thạnh thứ 16.*



## BÀI TỰA TRANH CHẶN TRÂU

Phàm chư Phật Tổ ra đời đều do lời nguyện lớn là làm lợi ích cho chúng sinh. Lòng thương yêu muôn vật rất sâu đậm, nên các Ngài mới bày ra nhiều pháp môn. Tuy bảo rằng người người vốn đủ một tính “viên minh”, nhưng vì vô minh, vọng động nên mãi luân hồi, bao giờ mới biết phản tỉnh. Do đó mà bấy giờ đức Thích-ca rời bỏ cung vua, thẳng lên núi Tuyết (4), trải qua sáu năm khổ hạnh, sau đó thuyết pháp độ sinh, mở lòng từ bi rộng lớn, nhổ gốc mê nhiều đời. Chỉ lòng từ viên mãn mới nói pháp thật tận nguồn, chấm dứt sự hôn mê đánh mất bốn tính. Bởi vậy giáo pháp ba thừa (5) tùy căn cơ mà nói ngang nói dọc, nhưng diệu đạo nhất thừa (6) chỉ dạy thẳng sự đốn giác viên thành (7) khiến cho hai cõi Trời, Người không riêng sai nghịch lại tông chủ. Còn riêng nơi đường khổ-hoặc chốn trầm luân lại càng thêm gần ý Phật, chẳng chút trở ngại nào, dẫu bị che mờ cũng tìm ra ánh sáng. Bởi tánh đức thường hằng viên mãn nên dù đang thiếu duyên tự giải cũng có cơ nhiếp thọ. Bởi ngài Đạt-ma (8) từ phương tây đến thực hiện phép chín năm ngó vách,

sau đó truyền riêng pháp môn chỉ thẳng, lấy tâm ấn tâm. Nhị tổ Thần Quang (9) xuất hiện đứng dưới tuyết cầu hỏi, chặt tay xin được an tâm, nên bảo rằng có được người truyền nối vậy. Từ đó về sau các Tổ truyền nối nhau, trên mặt pháp thí, thì dùng phương tiện hiển, mật, xa, gần, hoặc dùng phép tán thán, giảng pháp ngữ, tham vấn, vấn đáp, đối thoại, dùng kệ văn. Hết thấy các phương tiện đều dùng để thúc đẩy dẫn dắt. Và sau đó kết tập thành vô số sách.

Riêng pháp môn Tranh Chấn Trâu này không rõ là của ai, chỉ biết cũng không ra ngoài kinh giáo của Phật tổ. Tranh Chấn Trâu gồm mười bức, bắt đầu ở bức “Chưa chấn” chấm dứt ở bức “Cả hai cùng vắng bật”. Con trâu ban đầu đen rồi trắng ra, và cuối cùng thì không còn nữa. Về sau thiền sư Phổ Minh (10) kèm thêm bài tụng vào mỗi bức. Phần tranh vẽ thì hình rõ ràng mà ý sâu xa, phần tụng thì lời gần gũi mà ý cao vời. Quả thật là một ân huệ lớn cho người học đạo, bổ ích rất nhiều, phương tiện cũng chẳng ít.

Nhưng về tranh vẽ, vốn là pháp môn chỉ thẳng, tiếc thay lại không có lời dẫn trực tiếp. Tôi chẳng nề sự thô lậu của mình, cũng trộm lấy các lời dạy của người xưa, lại góp nhặt, tuyển chọn lời trong kinh điển mà đưa ra làm bằng cứ, rồi xen vào một, hai ý của mình mong nhân đó bổ túc sự thiếu sót để tiện lợi cho người mới học, dám đâu nhận mình đủ tài biên soạn. Cũng như bịnh có nhiều



chứng, thuốc không phải một vị ; nên bảo rằng bịnh lành tức thuốc quý. Tuy thuốc tầm thường nhưng cũng chính là cam lồ vậy. Thuốc mà không đúng bịnh thì sâm, linh cũng thành độc hại ; há bảo rằng ngọc tiết, san hô là thứ thuốc tốt nhất sao ? Phàm là đệ tử sơ cơ của nhà Phật, thì phải lấy sự tu thân mà soi mình. Hễ cứ ham thích trí tuệ ngông cuồng tất có điều sai sót, khó tránh được tiếng chê cười. Tôi nay miễn cưỡng mà viết lời tựa.

*Vĩnh Thạnh thứ 15 — tháng 12 ngày mồng 8*

*vía Phật thành đạo*

*Kính dâng vô lượng nước Phật.*



## QUYỂN THƯỢNG

### LUẬN GIẢI

#### VỀ CÁC BÀI TỤNG TRANH CHẶN TRÂU

*Tỳ kheo Quảng Trí hiệu Pháp Thông ở tại Kinh đô nước Việt luận giải.*

#### NÓI VỀ “CHƯA CHẶN”

Cúi đầu đảnh lễ đấng Viên mãn Chánh biến tri.

Nay con nương tựa vào mười hai phần giáo điển (11)

Cung kính hướng về các bậc Hiền Thánh mười phương.

Cúi xin chiếu ánh sáng chấn động, uy dũng vào nơi đây.

Tôi thường dạy bảo các đệ tử : người ta bảo rằng thuốc không cần phải là sâm, linh, đơn, thạch, hễ chữa lành được bệnh tức thuốc tốt. Lời không cần phải bàn bạc hùng hồn, giải thích rộng rãi ; hễ xoa tan mê muội tức lời

hay. Vì thế những thứ mà hạng thầy thuốc tầm thường bỏ đi chính là thứ mà ông Lô Biển (12) nhặt lấy. Những thứ mà hạng học trò tầm thường coi nhẹ chính là thứ mà bậc trí sĩ coi trọng vậy.

Cho nên lập ngôn không phải quý ở chỗ bàn luận rộng tuyềnch, vô bổ mà quý chính ở lời nhắc nhở cảnh tỉnh người đời. Người xưa có nói : Kẻ tội nghi vấn, người đáp, tợ rút kiếm chém, là để phá nghi. Cũng như linh đơn ra khỏi đỉnh, là bệnh nặng được trừ xong.

Này quý vị ! Hãy ngay đây trấn định tinh thần, chỉ một niệm hồi quang là bỗng nhiên tự sáng. Khác chi mặt trời ở giữa không trung bao la tự chiếu, nào phải dụng tâm ; tợ hạt minh châu tròn sáng trong mâm không cần ai đẩy, mà nó tự chuyển. Ngay lúc này đây mà không nghiên cứu tận nguồn, lại chờ mai sau hỏi han Di-lặc (13) há chẳng muộn sao ?

Tôi nay đầu ngu muội, đạo đức tầm thường, học vấn kém cỏi, hành giải mong manh, cũng thấy được những bài tụng của Tranh Chấn Trâu là việc căn bản của người tu tập. Ở đây tuy lời văn thì tóm lược mà ý nghĩa lại thâm u, lý diệu huyền, sự hiển lộ. Cho nên trong giây phút phấn khởi niệm tình mà có ý định chú giải, để phổ biến rộng thêm. Dựa vào lời trình bày trên giấy mà bàn thêm “biệt thừa” do vậy thành phép “nói thẳng”. Ở đây xin lược dẫn ra một số điều. Nếu như chưa sáng tỏ cho cùng lý, bàn sai, nghĩa trật thì tôi xin sám hối, nếu như lời lẽ

đúng nghĩa lý, xin được phổ biến rộng rãi, thì mới không phụ với lời nguyện này. Nên bảo rằng : bậc Thánh bỏ ngô tất lòng lão bà (14), kẻ tri âm thì không đợi phải kêu gọi mãi. Nay ở bài đầu về tranh “Chưa chặn”, xin thử nêu ra. Vì trong lúc mê mà tạm nêu giáo lý ba thừa, chứ sau khi giác ngộ rồi mới biết không có một chữ nào cả.

Xưa kia, đức Thích-ca Như Lai thẳng đến núi Tuyết, xả bỏ mọi thứ vinh hoa tôn quý của bậc vua chúa mà chịu sáu năm đói lạnh. Vào ngày mùng 8 tháng 12, giữa đêm sao sáng, lúc mới thành bậc Chánh giác, Ngài tự bảo rằng : Lạ thay ! Tâm này quả là Phật. Tất cả chúng sinh đều có đủ đức tướng và trí tuệ của Như Lai. Chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà không chứng ngộ được. Nên tại Bồ-đề đạo tràng, Ngài mới thuyết giảng kinh Hoa Nghiêm, đó là pháp môn vi diệu về sự viên đốn của nhất thừa, mở bày cho chúng sinh hiểu. Cũng như sách của họ Khổng truyền lại rằng : “Từ bậc vua chúa đến hàng thứ dân đều lấy việc tu thân làm căn bản”.

Còn pháp môn này, trước khi bảo rằng chưa chặn, là cũng chưa biết, chưa biết tức là chưa tu, chưa tu tức là chưa chặn vậy. Sách Nho bảo : “Từ bậc vua chúa đến nhân dân ” thì nên biết trong đó gồm cả vương, hầu, công, khanh, sĩ đại phu.

Bậc vua chúa mà chưa chặn là thế nào ?

Đó là, thân ở chốn giàu sang, quyền quý, có con trai,

con gái, ngọc gấm, châu báu, kho tàng, hàng ngày giải quyết vạn việc, làm sao có lúc rảnh rỗi để “hồi quang phản tỉnh” ngô hầu có thể chặn được ?

Các bậc vương hầu mà chưa chặn là thế nào ?

Đấy là họ cứ bận lòng con cái, thâm thiệp, ngọc gấm, nắm quyền bính, mưu xâm lăng nên không thể chặn được.

Hàng công hầu, sĩ đại phu thì lo đua nịnh quyền thế, đắm say bổng lộc, khoe khoang danh lợi, hoặc lo góp nhặt của dân chỉ để cho mình quý hiển, nên không thể chặn vậy.

Còn như đám học trò thì lao tâm nhọc sức mưu đồ công danh, vinh hiển há rảnh được mà chặn đâu ? Đến hạng nông, công, thương lo việc sinh sống, phải bận rộn gieo trồng, gánh nước, bửa củi, dệt vải, may vá, giặt, phơi, sàng, giã... bận rộn lăng xăng, siêng năng lao nhọc, đêm ngày lo nghĩ cho đủ sự chi dùng, trăm cách ngàn kế. Nói về chuyện gia đình thì nhiều việc nhỏ nhặt lôi thôi, không bút nào tả hết, chỉ vì gốc nghiệp sâu nặng, ngày tháng miên man làm sao chặn được ?

Từ vua chúa đến hàng thứ dân, hãy gác lại không bàn đến nữa. Còn ngay đây trong bốn hàng đệ tử nhà Phật (15), do làm được chút ít việc thiện nên sanh làm người, may gặp được truyền thống xưa mà xuất gia, cắt tóc, mặc nâu sồng, lạm hưởng sự cung kính, ăn rồi xúm

đâu bàn chuyện huyền thuyên, chỉ nói toàn là chuyện tạp nhạp của thế gian (Linh Hựu, *Cảnh sách vấn*), noi theo dấu cũ tham lam hưởng thụ, chẳng làm nên việc gì hoặc nhiễm phải thói xấu ở đời mà thành thô lậu, hoặc theo dòng ứng phó để mưu lợi dưỡng quên hết sơ tâm, cô phụ chí xuất gia, ngày nào mới biết bật ý, ngưng duyên, phản tỉnh mà chịu chẵn ?

Cứ suy các thứ như vậy đều gọi là chưa chẵn.





## LUẬN VỀ CHƯA CHẶN

Hết thấy mê tình đều được sinh từ “kiến”, dấn vào thì như rừng rậm, chìm vào thì như biển sâu. Cũng như loài tầm làm kén, nơi đẹp là chỗ buộc ràng. Tựa như loài thiêu thân bay vào đèn, chỗ sáng là gốc chôn xác. Cho nên bậc Tiên đạt bảo rằng : kẻ lãng tử bỏ nhà đáng thương thay. Người lữ hành cô đơn sống trong cảnh lạc loài đối lạnh, mới biết đủ nỗi khổ của kẻ cùng đường, không có cách gì cứu được. Những kiến giải ấy thật là đáng trách. Đây là chỉ mong nghe theo lời Phật mà lại nương tựa vào sự dẫn dắt của ma.

Nay tôi xin thuyết phá rõ ràng, mà thuyết phá ắt bị người ghét. Người xưa có bảo : “Lời nói phải thì không tránh khỏi bị cật lưỡi”. Nên tôi chỉ lược nêu trong đám tăng chúng bản xứ, họ gồm năm loại đọa, năm loại trụ, cộng lại là mười loại người chưa chịu chẵn vậy.

LOẠI THỨ NHẤT, là loại do cuồng vọng, túng tứ mà không chịu chẵn. Sao vậy ? Trong kinh có dạy : “Có một loại ma chuyên thích trí tuệ ngông cuồng, không chịu giữ giới tu hành”. Họ nắm lấy một cách sai lầm những lời lẽ

có tính cách tương tự ở kinh điển mà bảo rằng “phiền não tức Bồ-đề ; dâm, nộ, si là phạm hạnh. Theo lời mà sinh ra kiến giải, theo sự giải thích mà phát ra độc hại. Họ có tâm ý phóng túng, lời lẽ ngông cuồng, tội thực không kể hết. Cứ nói chuyện giải thoát ở cửa miệng, thì thừa và giới đều mất, đều chẳng tu hành. Hòa thượng Vĩnh Minh có dạy rằng :“Khi tập khí (16) bị nghiệp cảnh sai khiến, thì hiện hành sao khỏi sự trói buộc của duyên ?”. Cũng như bảo rằng :“Ngàn ngày học tập lý giải, không bằng một ngày tu trì giới luật”. Sao lại tham cái hư danh của lý sự để phải chịu hậu quả của địa ngục, đối mình, gạt người, chịu trầm luân đọa lạc một cách oan uổng ? Đó chỉ là bợn sửa càn, thực đáng thương thay !

Những người này tức là những người không chịu chán.

LOẠI THỨ HAI, rơi vào sự chi li mà không chịu chán. Sao vậy ? Tổ sư dạy : “Có nhiều người thông minh học hết giáo điển, ghi nhớ chương cú, chấp vào cái giả danh của pháp thân (17), phân tích ra mọi loại danh tướng, thêm thắt chỗ này, bổ sung chỗ nọ. Quanh năm suốt tháng chỉ cố tranh kiến giải của mình, mà chẳng tu hành thực sự”. Vì thế nên biết : Đứa bé đói qua hàng thịt, nhìn thấy mà nhai ngồm ngoàm, chỉ tăng lòng thèm khát chứ không cứu được bụng đói. Những người như thế chỉ làm khách thiên ngoài miệng, tuy ghi chú chương cú nhưng trong lòng ngã mạn, khinh chê mọi người. Đây là hạnh

thô bỉ nhất trong tăng chúng, hướng chi là không có công hạnh thực sự ! Như thế chỉ làm tăng thêm khẩu nghiệp, thực quả đáng thương ! Hạng người này cũng không chịu chẵn.

HẠNG THỨ BA, bị rơi vào si mê cái “không” mà chẳng chịu chẵn. Sao vậy ? Người xưa có dạy : “Kẻ học đạo mới thấy sơ về cái “không” của các pháp, nghe người khác tụng kinh, niệm Phật, lễ bái, làm các pháp tu hành, bèn bảo rằng “pháp tách rời danh tự, nếu chấp vào danh giả và thuyết tạm thì càng tăng thêm sự hư vọng”. Hạng người như thế lòng và miệng trái ngược nhau.

Há chẳng thấy kinh Lăng Nghiêm dạy rằng : “Nếu trong định kia mà các thiện nam tử thấy rằng các uẩn (18) tiêu mất, thọ uẩn (18) rõ ràng, tự cho mình đã đủ, tức có phần ngã mạn lớn, ma nhập vào tâm phủ”. Họ còn bảo rằng : “Một niệm vượt qua ba tầng kỳ kiếp” (19) để rời trong lòng xem thường mười phương chư Phật, hướng chi các bậc thấp như hàng thanh văn, duyên giác. Họ không chịu lễ bái tháp miếu, khinh mạn kinh tượng, cho đấy chỉ là vàng, đồng, đất, gỗ, rồi bảo rằng “nhục thân chân thường thì không tự cung kính mà lại sùng bái gỗ đất !”. Như thế thật là điên đảo, làm nghi ngờ sai lạc cho người sau. Nên biết rằng “Chấp không, phá tướng đều là quyến thuộc của Ma”. Cho dù có bảo tất cả đều “không”, sống cũng không, chết cũng không, nhưng còn cái không của Đại Diêm Vương làm sao như thế được ?

Thật là đáng thương ! Những người này chấp vào không mà chẳng chịu chẵn.

HẠNG THỨ TƯ, rơi vào tùy duyên mà không chịu chẵn. Sao vậy ? Họ bảo rằng người xưa có dạy : “Theo duyên mà làm tiêu nghiệp cũ, tùy thời mà mặc áo quần thì hãy thuận theo lẽ trời mà vạn hạnh tự đầy đủ, nhắc chân, bỏ chân, có cái gì không phải là tịnh nghiệp đâu mà phải làm bao nhiêu chuyện ?”. Họ lại bảo : Có bực Tiên đức bảo rằng “Tức tâm là Phật”, cần chi vào việc tu hành ?

Bọn người như thế cũng như con chó đuổi theo cục đất vậy, không biết rằng đó chỉ là nói tạm một lúc của các bậc Tổ sư, vì bệnh mà cho thuốc. Nên biết rằng : theo duyên thuận thời, không phải là không làm gì cả. Đây là nhận lầm Tổ cơ (20), tưởng đá là ngọc vậy, thật đáng thương xót. Cũng vì kiến giải sai lầm như thế mà hạng người này không chịu chẵn.

HẠNG THỨ NĂM, bị rơi vào hạng ý lại quyền thế mà không chịu chẵn. Sao vậy ? Do họ không biết liêm sỉ, chạy theo danh lợi, quên đạo đức, bỏ bê giới luật, bỏ đi phép tắc, mang lấy tình riêng mà ra vậy. Thế rồi họ lại chê trách người chân chính tu hành là hạng bỉ lậu, khen ngợi bọn tự đắc ngông nghênh là hạng lỗi lạc. Do đó không biết hổ thẹn gì, chỉ cứ lo nịnh hót quyền thế, ý lại chớn giàu sang để mưu lấy danh lợi. Bọn người này không thể hiện được gốc đạo, chìm đắm trong sông ái,

biển dục, đành chịu sự trầm trụy. Một ngày kia họa đến, phước hết, trời người đều ghét, làm lụy đến thầy, bạn. Hạng người này cũng không chịu chẵn.

HẠNG THỨ SÁU, là thân tuy xuất gia mà chẳng chịu an tâm học đạo. Họ thuận theo cái không của các pháp, chỉ mong giữ lấy cái thân huyễn ảo, làm bộ làm dáng bị đọa lạc mà chẳng chịu chẵn. Sao vậy? Hòa thượng Thiên Như dạy: “Gần đây có bọn người xuất gia tuy bảo rằng bỏ thế tục nhưng thói quen tục lụy vẫn không chừa”. Họ bảo rằng thoát khỏi trần ai, nhưng họ thì duyên trần không dứt bỏ, kinh giáo không biết, tham thiền chẳng hay, vượt tâm (21) rong ruổi, ngựa ý (21) bôn ba. Họ nhóm lại thành bầy, qua ngày đoạn tháng. Như thế chẳng những uổng phí của cúng dường mà mai một tâm linh của chính họ. Đến khi nhắm mắt xuôi tay biết đi về đâu? Quả thực là muốn vào “cửa không” mà trở nên sống hư chết lãng. Bọn người như thế là bọn vì cơm áo, vì sự yên ổn mà đi xuất gia, thiệt đáng thương xót. Há chẳng biết kinh Bửu Tích dạy rằng: “Cái ngục tham dục vẫn thường bị phiền não trói buộc”. Cái hàm dơ bẩn luôn bị loài trùng bọ rúc rĩa, tựa như nhà xí, có năm loại không sạch, chẳng khác gì cái bị rách có chín lỗ thường chảy ra. Rắn độc sâu hận nổi lên hòng hại người mà làm tổn tuệ mạng. Con quỷ ngu si vì nắm lấy ngã kiến mà nuốt cái thân trí, như bọn giặc ác mà người đời đều ghét, như loài chó chết mà người hiền vứt bỏ. Không cứng rắn, giống

như cây chuối, bọt nước, vô thường như ánh chớp, tia lửa. Tuy ăn uống chẳng bao nhiêu mà tạo thành oan trái, mỗi khi được cúng dường lại không biết báo đáp lại. Điều đáng trách không phải là ít, thực khó nói cho hết. Nếu không xét lỗi lầm sâu xa này rồi cứ chấp chặt cái bánh vẽ một cách mê muội, thì không thể nào tiến tu được, tức trí tuệ, đức hạnh trở thành thiếu kém, lý sự đều tiêu tan.

Trước hết cần phải biết cái ác, biết các điều sai thì lửa dục mới tiêu được. Nếu đối trị hết từ gốc, thì cái chân nguyên tự hiện ra. Phạm hạnh người như thế đều vì bên trong không có sự chiếu sáng của trí, lại bỏ gốc, nắm ngọn, sáng chiều chạy theo bọn bị động, làm hỗn loạn nguồn chân, vẫn đục dòng tính. Hạnh người như thế thì không chịu chẵn.

HẠNG THỨ BẢY, chạy theo việc người, càng ngày càng tinh chuyên mà không chịu chẵn. Vì sao ? Kinh Pháp Cú dạy : “Như tờ giấy bao hương, như sợi dây cột cá vậ”. Phạm vật vốn tịnh nhưng vì duyên mà khởi thành tội phước. Có bạn hiền minh thì đạo nghĩa càng ngày càng tăng tiến. Bạn bè ngu ác thì tai ương càng ngày càng tụ tập. Giống như giấy sạch gần hương mà thơm, gần vật dơ mà bị hôi hám. Lâu dần thành thói quen đều không tự biết. Tiên đức có bảo : “Thôi, thôi, thôi, hãy tu cho sớm. Khi trời khô tạnh, không chịu đi, lại đợi cho đến lúc mưa xối xả !. Bọn người này thuận theo bánh xe

nghiệp, đem chôn mất gốc Đạo, mà không chịu chẵn.

HẠNG THỨ TÁM, dùng Phật pháp để làm việc đời, rồi lười biếng chẳng chịu chẵn. Vì sao ? Chỉ vì tài trí không đủ, kiến thức không có mà ra như vậy. Hòa thượng Phật Trí Cốc dạy: “Ngựa hay rong chạy thì không dám giữ chân lại, chỉ còn cách gò dây cương mà chế ngựa. Ý thức trôi chảy lung tung thì không thể nương vào duyên và sức mạnh của sự thức tỉnh được”. Than ôi ! Dùng Phật pháp mà làm việc đời, quả thực là bọn ngoắt đuôi mà xin thương hại, là kẻ không thức tỉnh. Bọn người này thì không chịu chẵn.

HẠNG THỨ CHÍN, thì lười biếng, uể oải, cầu an mà không chịu chẵn. Vì sao ? Chỉ vì họ tự mang, tự bỏ mà ra như thế. Bậc Tiên đức có bảo : “ Cái dung lượng tài năng của con người thì có lớn, có nhỏ, nên không thể dạy được”. Nên bảo rằng : “Cái nhỏ không thể ôm cái lớn được ; dây gàu ngắn thì không thể lấy nước ở sâu”. Chim cú ban đêm nhìn thấy loài trùng rất nhỏ nhất rất rõ, nhưng ban ngày mắt lại mờ tối, không thể thấy gò núi, không phân định gì được. Người như vậy, tự cho mình là đủ nên chẳng còn mong cầu gì xa hơn. Sống chẳng có ích gì cho đương thời, chết cũng chẳng để tiếng tăm cho hậu thế. Hạng người như thế thì không chịu chẵn.

HẠNG THỨ MƯỜI, là bọn cờ bạc hư hỏng, tụ tập với nhau, lười mà chẳng chịu chẵn. Sao vậy ? Họ chỉ mong cái lợi nhỏ trước mắt mà cứ ôm ấp những mưu kế

cầu thả. Họ lại còn bảo rằng :“Cầu đạo thì quá xa vời, chẳng bằng cầu cái lợi thiết thực”. Do vậy mà họ quen thói phù hoa, so đo nhỏ nhặt, không tính được cho trọn năm, hưởng chi là lo chuyện sanh tử !. Việc học đạo càng ngày càng suy, việc tu tập càng lâu càng bỏ phế, tông môn ngày càng hư hỏng. Hạng người như thế thì không chịu chán.

Mười hạng người kể trên tuy gọi là xuất gia mà chưa bỏ hẳn việc đời : mang lấy thân nam tử nhưng không có cái chí của bậc trượng phu. Vì thế Tổ Quy Sơn (22) dạy :“ Tiếc thay một đời luống qua, gặp việc thì quay vào vách”. Suốt ngày cứ lảng xăng, tối lại thì mê mết, ngã xuống chẳng biết chôn ở đâu. Họ ngồi trong ngục tối, không đạt được yếu chỉ “tức sự tức lý”, mà cứ niệm suông câu phá bệnh, phá chấp. Người trí thì sâu xa biết bao nhiêu, kẻ ngu thì chỉ bắt chước bề ngoài mà cứ mong thành tựu việc lớn một cách nhanh chóng thì thực khó vậy.

Vì thế, tôi nay xin quảng dẫn tấm lòng thâm sâu của chư Phật, chư Tổ mà trình bày rõ ràng đại ý của các kinh luận, mong phá bỏ cái chấp cũ, sửa đổi cái sai lầm trước, cùng nhau theo đuổi dấu tích để lại của các bậc Thánh đời trước, cùng nhau nhận lấy sắc chỉ từ bi của bậc Giác Vương (23), không để hư cái trí của mình, không phụ tứ ân (24), cùng bước vào cửa giải thoát, cùng tiến trên con đường thực hành thành tựu của chư Phật, làm viên mãn



trí Bồ đề, chận lối tà, mở rộng đường trí, làm vững gốc  
tín mà nhổ gai chấp, vượt khỏi bến khổ của ba cõi (25),  
nhập vào biển nguyện của Phổ Hiền (26), vượt khỏi sự  
phiêu đảng của pháp giới, tiến lên thành lớn Niết-bàn.

Ngưỡng mong chư Phật, chứng cho lòng thành nhỏ  
nhặt này, mong được phổ biến. Nay kính dâng tập sách.



## NÓI VỀ LÚC MỚI CHẶN

Bài nói về lúc mới chẵn này là bốn phận của giới tăng sĩ chứ không liên hệ đến thế tục.

Theo sách Vĩnh Gia (27) thì phạm muốn tu Đạo trước hết phải nên lập chí, sau mới làm sáng tỏ các nghi thức của chí mộ Đạo, các nghi tắc thờ thầy, các lời dạy bảo sẵn có. Kế đó là trừ khử cái ý kiêu xa để làm ngưng sự nhiễu động của vọng tâm. Tiếp theo là làm trong sạch bằng nghiệp, kiểm xét cho kỹ càng, giữ gìn thân, khẩu, ý, khiến cho các lỗi lầm thô thấp không sinh. Có thế mới điều phục thân và tâm vậy.

Tâm chân thật vốn không hư vọng, tính trí vốn sáng tỏ tinh vi. Do nhìn sai lầm mà sinh ra u tối, làm mất đi sự tinh diệu, để rồi phát sinh tri thức, nên trí chuyển thành thức. Vọng tâm theo hình thì gọi là thức vậy. Tâm vốn không biết, do nơi thức mà biết. Tính vốn không sinh chỉ do thức mà sinh. Từ đấy các chủng tử tạo thân nả sinh mầm mống, nở hoa hữu lậu, kết trái tử sinh, khiến cho người ta nhận lầm bên trong có một vật sáng suốt linh diệu cùng một thể với các sự vật, mà cho rằng đã

là “nguyên thần” vậy. Trái lại, họ không biết rằng đây chính là ông thần thức của tử tử, sinh sinh, cái chủng tử của luân hồi muôn kiếp.

Vì thế Hòa thượng Cảnh Sầm bảo rằng :

Học đạo mà không hiểu lẽ chân,  
Cứ theo lối cũ nhận thức thần.  
Từ vô lượng kiếp gốc sinh tử,  
Người ngu cứ gọi bản lai nhân.

Ôi ! Người đời cứ nhận đây tứ làm chủ mà không biết, nhận giặc làm con mà không hay. Nên đức Thế Tôn dạy người ta trước hết phải đoạn trừ các gốc rễ luân hồi từ vô thủy vậy. Cái gốc rễ đó một khi được chặt đứt thì cái thức không có chỗ nương tựa, phục hồi cái bản thể thường sáng suốt ban đầu của ta. Nhưng đạo lớn mênh mông, cần phải ngay đây mà hạ thủ. Nên biết rằng : Muốn sửa áo cho ngay thì phải kéo cổ áo, muốn sửa lưới lại cho thẳng thì phải gỡ mối giềng.

Từ xưa, dưới cửa Tổ sư, chỉ nêu có một con đường chính tu hành, dạy người khởi sự từ nguồn suối. Nếu ở đầu nguồn được trong sạch, thì bầu trời luôn luôn hiện ra, niêm thực không thể nào ô nhiễm. Giống như mặt trời đang ở giữa không thì bọ ma quỷ mất tích. Pháp môn tâm địa này là cái đạo không thay đổi của ngàn Thánh xưa nay. Vậy nên trái với pháp môn này tức phạm phu, thuận với pháp môn này tức hiền thánh. Không biết

nó thì sinh tử bời bời, ngộ nó thì luân hồi chấm dứt. Muốn dứt luân hồi thì không gì bằng thể hiện cái đạo rốt ráo. Muốn thể hiện cái đạo rốt ráo thì không gì bằng quán chiếu bản tâm. Muốn quán chiếu bản tâm thì nên mở rộng mắt nhìn vào gương trống, thường khiến cho trắng sáng lại sáng rực ra. Cứ mỗi khi tập định hay tuệ quán, luôn luôn giữ được cái “trung” (28) của thất tình chưa khởi, luôn luôn giữ được cái thể chưa bị ô nhiễm của tám thức (29) tâm vương. Bên ngoài ngưng các duyên bên trong dứt các vọng. Kiểm soát cái nhìn của mắt, cái nghe của tai, cái ngửi của mũi, cái nếm của lưỡi. Tay chân không động, khiến cho năm thức, mỗi cái quay về cái gốc của nó thì năm thứ linh là tinh, thần, hồn, phách, ý, mỗi thứ đều ở yên chỗ của nó. Trong suốt ngày, lúc nào mắt cũng cần nội quán sự rong chạy của con trâu, tai lắng nghe tung tích của con trâu. Cho đến nhất cử nhất động, niệm niệm đều không tách xa con trâu. Nằm, ngồi, đi, đứng đều để tâm vào con trâu này. Không để cho một giây phút nào là không chiếu rọi vào. Hể lơ lửng là trái phạm. Thần quang mới phát ra thì phải thu lại, trước sau không được rời, luôn luôn quán chiếu vào đây như lòng nghĩ đến con thơ vậy. Như ông Tử Tư nói :“Đạo không giây phút nào rời bỏ được !” Trước hết phải giữ lấy điều ấy để làm trống cái tâm mình, rồi tiếp theo phải quên đi để mở rộng cái tâm lượng. Bất cứ lúc nào, ở đâu đều không bị trở ngại và được tự tại. Không những người học

phải trừ bỏ sáu thức (30) mà còn phải biết cái trước sau của chúng.

Ý tuy là chủ soái của sáu thức, nhưng mắt thực là đũa tiên phong của năm thăng giặc. Nên Tiên đức bảo :“Tâm là chỗ khu yếu, mắt là kẻ đạo tặc”. Muốn điều phục tâm, trước hết phải nắm lấy mắt. Cái cung phát động tại nơi cơ máy, sự duyên dẫn của tâm là tại con mắt. Cơ máy không động thì cung đứng yên. Mắt không động thì tâm ở yên. Nên biết vọng niệm sinh khởi từ thức căn (31). Đối cảnh thành vọng, vốn thức chẳng có cái thể riêng. Khi còn là chúng sinh thì trí tuệ yếu kém mà thức mạnh mẽ nên gọi là thức. Khi vào Phật địa thì trí tuệ mạnh mà thức yếu nên gọi là trí. Đây chỉ là sự thay đổi tên gọi chứ không thay đổi bản thể. Cái suối nguồn của tâm vốn rộng rãi trong lặng, do tri kiến mà lập thành tri, do bụi vọng sinh khởi mà tạo nên vọng niệm. Nếu tri kiến mà không thấy thì đây là Niết-bàn. Tánh của tri trở thành chân tính lại trở về cái trong sáng linh diệu, rớt ráo, mà ý niệm tiêu tan. Ý niệm đã mất thì từ thức thứ sáu trở xuống không có cái gì là không mất, gọi là Văn-thù (32) vậy. Một căn đã trở lại bản nguyên thì sáu căn trở thành giải thoát. Đã không có sáu căn, tức không có sáu trần (33), không có sáu trần tức không có sáu thức, tức không có hạt giống luân hồi. Không có hạt giống luân hồi thì một điểm chân tâm của ta đứng một mình không nương tựa vào đâu, trống rỗng, mênh mông, sáng sủa, trong lặng, vạn kiếp

mãi còn, mãi mãi không sinh diệt. Cái pháp môn “trực chỉ nhân tâm” (34) này rõ ràng, xác đáng, thực là rất ráo, giản dị làm sao ! Chỉ cần bồi dưỡng cái nguyên bản mà soi chiếu con trâu này, lâu ngày thuần thục. Tâm thành trống rỗng, hạo nhiên ngưng thần, an nhiên bất động, tịnh nhiên vô tư, khoáng nhiên tâm mở, rõ ràng thấy tính. Đó là sự lột bỏ hết vỏ da bên ngoài, kể đến thấy được sự vật vậy. Công phu đến mức đó thì tự nhiên tinh thần sáng sủa, trí tuệ suốt thông, tâm tính linh động, quảng đại tự tại, nên biết rằng tất cả bậc Thánh, đều dùng cái pháp môn tâm địa (35) này làm phương tiện nhập đạo để thành Phật, thành Tổ, làm bậc Thầy của trời, người.

Kẻ phàm phu không chứng được là do không biết tâm mình. Vì thế kinh Phật dạy : “Tất cả chúng sinh, từ bao nhiêu kiếp đến nay, mê muội điên đảo cái bản tâm mà không tự giác ngộ, nhận lầm tứ đại (36) là thân, phan duyên là tâm”. Ví như trăm ngàn biển lớn mà không nhận, lại nhận một giọt nước nhỏ nhoi như vậy. Thế là mê lại tiếp mê, vọng lại tiếp vọng, theo cảnh mà lưu chuyển, để mất vào cảnh mà sinh tình, nắm bỏ vạn mối, chẳng lúc nào nghỉ. Từ đó sinh ra nghi hoặc, tạo ra nghiệp báo, quanh quẩn trong sáu đường (37) không thể thoát ra. Từ đầu đến cuối đều mắc phải cái lỗi là lấy hư vọng làm mê mờ lẽ chân thực.

Nên biết rằng ba cõi (38) là do tâm, người mê thì cầu pháp ở ngoài tâm, người trí thì thấy cảnh chính là tâm,

cảnh là cái cảnh của tâm, tâm là tâm của cảnh. Trước cảnh không bị mê, gặp duyên không bị động. Năng sở (39) thành một, một thể không khác. Nếu có thể đạt đến chỗ hiểu rằng cảnh chỉ do tâm, thì ngộ được tâm mà thành đạo. Hiểu được các vọng niệm từ vô thủy. Nhiếp cảnh về tâm, nhập vào cõi “chân như xuất trần” hưởng được sự “giải thoát ly cấu”, mãi mãi hợp vào cái bản nhiên thanh tịnh, thì không còn sanh ra nữa. Các tướng hữu vi của núi sông, đất lớn, như vàng ra khỏi quặng thì mãi mãi không bị ô nhiễm vì bụi bặm nữa. Như cây cháy thành tro thì làm sao sinh ra cành lá được nữa ? Một lần được là mãi mãi được, vĩnh viễn thoát khỏi cảnh giam cầm, mãi mãi ở nơi cõi Thánh.

Nhưng đạo lớn nhất thừa tối thượng này, nếu như kẻ có căn khí bén nhạy, thì vượt thẳng vào cõi Như Lai. Còn đối với kẻ căn khí chậm lụt thì làm sao ? Tức phải công phu đạt được từ cái học thấp lên cao, phải theo phương pháp dẫn nhập từ từ, khiến cho người ta đi được một bước, lên được một cấp thì có cái quy mô của một cấp. Đó cũng là ý nghĩa của câu “đi xa là do từ gần, lên cao là từ nơi thấp” vậy. Nếu như không biết ra tay hạ thủ công phu lúc bắt đầu thì làm sao có thể đạt đến địa vị tột cùng được ? Nếu như chưa hiểu hết lòng mình thì làm sao biết tính mình ? Nếu chưa tỏ tâm thì làm sao thấy tính ? Nên biết rằng sự hiểu rõ tâm là mái chèo Trí vượt qua biển sinh tử. Thấy tính là phương thuốc tốt để trị phiền não.



Sau khi rõ tâm thấy tính thì lấy cảnh giới mà an tịnh tâm mình, lấy tinh tiến mà củng cố tâm mình, lấy nhẫn nhục mà làm thanh thản tâm mình, lấy sự giác chiếu mà làm trong sáng tâm mình, lấy trí tuệ mà làm linh lợi tâm mình, lấy tri kiến của Phật mà khai thác tâm mình, lấy sự bình đẳng của Phật mà làm rộng lớn tâm mình. Nếu biết rõ tâm này thì vượt ngay được sinh tử, chứng viên mãn Đại Niết-bàn. Nếu không thấy rõ tâm này thì muôn kiếp luân hồi mà mất cái chân tính. Cho nên trước sau vẫn không ra khỏi cái tâm này. Ngoài cái tâm này thì chẳng còn có gì là huyền diệu. Tuy bảo rằng có công phu trước sau nhưng chẳng qua cũng chính là thành tựu cái này mà thôi vậy.

Những lời nói trên đây là phương pháp tu hành, là yếu thuật thành tiên, chứng thánh, là pháp môn viên mãn để vào Đạo, vào đức vậy. Xưa kia ngài A-nan (40) là bậc đa văn tổng trì, mà bao năm vẫn không chứng được Thánh quả, cho đến khi ngưng duyên tự phản chiếu mới chứng được vô sinh. Cái tâm của phàm phu chỉ rong ruổi ngoài đường mà thôi. Phàm người học đạo chẳng sợ là không thành mà chỉ lo là không chuyên. Còn cứ luôn tinh tấn, siêng năng thì chưa bao giờ có việc không chứng ngộ cả. Nếu như lập chí không vững, tin đạo không mạnh, sáng làm tối bỏ, ban đầu siêng năng nửa chừng lơ lửng, vui trong chốc lát mà chán nản lâu dài, thế mà muốn vào hàng cùng chư Tổ, há chẳng phải ngông cuồng

lắm sao ?

Về phương pháp lúc mới chẵn này tôi xin lược nêu vài lời để chư vị cùng chí hướng soi xét. Nếu như không rơi vào chỗ rỗng tuếch và không phải là tà kiến thì may cho pháp môn này lắm, tôi đây cũng được may mắn lắm lắm. Chương này đại khái như thế, người học nên nhận biết, xin chấm dứt.

## LUẬN THẮNG VỀ LÚC MỚI CHẴN

Phàm bụi tình được chứa nhóm nhiều kiếp mà sinh ra biển ái. Tựa như làm đẹp kiếm bằng rêu, làm sáng ngọc quý bằng bùn. Không mài dũa thì không hiển lộ, phải trừ bỏ cái dơ bẩn mới thành trong sáng. Muốn cho tâm được thanh tịnh chỉ có cách là làm cho ô trược bị tiêu diệt. Người ngộ thường nên chiếu soi. Người mê cần gia tăng trừ bỏ. Còn cái cùm ái, gông tham thì nên suy nghĩ suốt năm, suốt tháng. Đức Khổng Tử có dạy :“Gặp khốn khó mà không chịu học, đấy là sự thấp kém của hạng tầm thường”. Hết thấy Thánh hiền đều xứng tâm mà làm.

Tính của pháp không cùng, biển của hạnh không lường. Vì thế hoặc chỉ trong một sát-na (41) làm trọn ba tăng kỳ kiếp, hoặc trải qua hằng hà sa kiếp không thành một niệm. Đấy cũng là do kẻ hiền, người ngu. Căn cơ có kẻ nhạy bén, có người chùn lụt, nên sự giác ngộ có chậm, có nhanh, hoặc mới ngộ nhập nhưng ngưng dứt quá sớm nên trí không vào được con đường vi diệu, khó thắng được tập khí. Một niệm không dứt đó là gốc rễ của sinh

tử, bị ngọn gió nghiệp dẫn dắt, sẽ có ngày nhập vào bào thai. Tựa như Tô Đông Pha là hậu thân của Ngũ Tổ Giới, hoặc như Thanh Thảo Đường tái sinh làm Lỗ Công. Sau khi đã tạo ra cái nhân thì theo duyên mà luân chuyển. vì thế bảo rằng đạo có tiêu mất mà không có lớn lên, nghiệp có tăng mà không có giảm. Hoặc duyên trí tuệ sâu xa thì không rơi vào ba đường khổ, nhưng việc vào thai ra tạng lại rất đau khổ vậy. Hướng chi những người trong thời mạt pháp hôm nay, căn khí thấp kém, nhân vì sự khổ mà đi xuất gia, phát tâm đã không chân chính, công phu chẳng thuần thực, thoáng cảm được chút cơ phong của Phật, Tổ qua tri thức ngôn từ, tưởng lầm rằng ngộ được chỗ “bản lai thành Phật”, dừng trụ ngay đây vậy. Ý thức nghĩ chưa tới, ngôn ngữ nói không đến, tất là đều bất khả đắc (42). Cái bất bất khả đắc này cũng là bất khả đắc. Lấy câu lấy lời của người xưa phụ họa thì không có chỗ nào là không tương tự. Khi đã có kiến giải như thế thì họ bảo rằng :“Việc cầu tìm đã xong, ta là kẻ đạo nhân vô sự”. Biết được phiền não như huyễn ảo thì họ buông thả tình cảm để rồi phóng tứ phiền não. Biết được việc tu hành vốn không thì họ nắm bừa cái ý mà phá hoại việc tu hành. Bảo rằng bố thí vốn không thì họ lại bỏ bố thí mà ôm lấy sự keo kiệt. Bảo rằng nhẫn nhục vốn không, rồi họ lại mang lấy tình mà gác bỏ nhẫn nhục. Hoặc nói về giới thì họ bảo rằng không có giới và không có phạm, cần gì phải coi trọng việc trì giới mà xem nhẹ sự phá giới. Hoặc nói

về thiên định thì họ bảo rằng thiên vốn không có định và loạn, cần gì phải bỏ cái loạn mà giữ cái định. Họ nghe theo tình, thuận theo ý, bỏ qua cái hữu mà nói cái không. Họ cứ bảo rằng thương ghét là ngọn lửa hủy diệt thanh danh và liền làm bốc cao ngọn lửa ấy. Ngọn gió sinh, lão, bệnh, tử mới thổi nhẹ, họ đã bị lay động. Họ tranh người, tranh ta, nói trái, nói phải, thậm chí còn lấy tính nóng làm khí phách, lấy ngã mạn làm tính riêng, lấy đối trá làm cơ mưu, lấy vọng ngã làm phương tiện, lấy phóng túng làm du hí, lấy lời nói bậy làm biện giải, khen ngợi kẻ phá giới luật, không có công hạnh, lại chế diễu xua đuổi bậc tu hành chân chính. Họ chỉ rõ được một phía lý giải nên sự huyền diệu cùng cực thì chẳng rõ tung tích ở đâu. Họ bỏ hết các pháp môn tu hành, cứ theo ý mà nắm tâm, không theo quy củ. Miệng bảo việc niệm Phật, tụng kinh, lễ bái là sự chấp tướng của hàng tiểu thừa, cứ dạy người tu tập, riêng mình vẫn an nhiên. Hoặc suốt năm không lay Phật, suốt năm không sám hối, suốt năm không tụng tới cuốn kinh mà lại có toàn sách của thế gian, ghi lại những thứ hữu. Người hành đạo không nên theo những thói quen ở đời, thế mà nay họ cứ theo thói ấy để xưng là bác học. Quả Phật bị hư hỏng mà không lo tu, họ cho rằng việc thiện nhỏ chẳng đáng để làm, khiến cho kẻ truyền nói đời sau chỉ ham thích sự lanh lợi, chăm lo tìm tòi kiến giải. Mới biết một tí họ đã cho là siêu việt mà nhập thẳng vào, không còn gì phải nói nữa. Họ trở thành ngông

cuồng, ngạo mạn, cống cao, phóng tứ. Miệng chẳng lựa lời, thân không chọn bạn, chẳng kể các tình dục thế gian, để cho chúng tăng mãi mà không có bờ ngăn. Thế thì làm sao dùng lời nói viên hoạt để phá tan cửa nhân quả ? Làm sao tự ngộ và làm cho người ngộ được ? Làm sao thoát khỏi trầm luân ? Nếu không bị loài ma bắt, chắc chắn cũng sẽ rơi mãi vào ba đường khổ (43). Núi đao rừng kiếm báo ứng cho cái nhân đã gieo. Mang lông đội sừng để trả cho cái quả sẽ đến. Chớ nên bảo rằng ta là kẻ đã giác ngộ, giải thoát hoàn toàn, không còn bị nghiệp trói buộc. Phàm bảo rằng không bị nghiệp trói buộc, thì không có ý nói có nghiệp rồi thành không, mà chính là nói không có nghiệp cho nên không bị nghiệp trói buộc. Lúc sống theo cảnh bị xoay chuyển, hưởng chi lúc chết làm sao không theo nghiệp để thọ sanh ? Vì thế một phút có tướng sân tham trước mắt chính là hình tướng của con rắn độc dữ. Một giây mang tướng tham trước mắt tức là loài quỷ đói vậy. Cái nhân vô hình trong chốc lát thực là nhỏ nhưng cái quả báo hữu hình theo sau thực là lớn. Một niệm dù rất nhỏ nhưng cũng được ruộng thức giữ lại, dù trải qua hàng vạn kiếp rồi cũng không mất đi được. Vì thế các bậc Cổ đức có dạy : “Những nhà hiền triết trước sau trí lớn tâm rộng, luôn luôn nghiên cứu lý lẽ mà không lúc nào quên. Có hạnh tiềm ẩn mà thần linh không đo được. Suốt ngày như đi vào vực sâu, như đạp lên băng mỏng”. Chứng được thì tự nhiên cứu được sinh

mạng của mình. Trọng chân thật mà không trọng sự hư dối, quý việc làm mà không quý sự nói suông, bước qua “hữu” mà không trú vào cái “hữu”, làm hạnh “không” mà chẳng chấp trước cái “không”, theo việc thiện nhỏ mà tích tập thành công lớn, nhờ nhân nhỏ để thành quả lớn. Huống chi người thời này vô minh, phiền não cháy bùng không dứt, muốn lấy kiến giải tương tự (44) để tiêu trừ nghiệp ác, ngõ hầu ra khỏi ba đường khổ thì không thể được vậy. Những kẻ như thế không thể lấy cái ít làm đủ mà phải theo đúng lời Phật dạy để tu hành, thì mới khỏi bị trở thành kẻ tu thiền bằng đầu môi chót lưỡi.

Nếu như nương vào kiến giải tương tự mà nói cho được sướng miệng thì chẳng khác loài tằm ăn lá cây mà thành vải ? Như loài chim biết hót vu vơ, tuyệt chẳng có ý nghĩ gì. Phiền não không giảm mà ngã mạn lại tăng. Đó chỉ là nắm một cách sai lầm cái tà không, chứ chẳng phải đạt một cách thiện hảo cái pháp thể. Cái dòng mạch của cửa ngộ đời nay, tuy bảo rằng không dứt, nhưng kẻ học thiền ở Trung Quốc đông như lúa, như mè mà kẻ chứng được giác ngộ vi diệu có được mấy người ? Bảo rằng từ thời Đường Tống đến nay, có được vài ba vị cư sĩ tại gia, cứ một đường thẳng mà lưu thông pháp này. Nhưng đã là cư sĩ thì không giống với hàng Sa-môn, Thích-tử. Cần phải có giới luật để bó buộc thân, mới có thể đem thân vào trong nhà lửa (45), nhúng tâm vào trong biển phiền não mà không sao. Tuy cần đáng nhiều việc, nhưng bên

trong vẫn lơ mờ trước ngưỡng cửa vào Đạo. Ấy là vì đạo lực còn kém vậy. Hoặc có kẻ văn hay chữ tốt, phong lưu tuyệt vời, như các ông Hoàng Lỗ Trực, Bạch Lạc Thiên, Tô Tử Chiêm, đạo học như các ông Hồ Khang Hậu, Trương Tử Thiên đều được liệt vào sách Truyền Đăng. Nhưng những vị này đều chưa được gọi là hoàn toàn vô ngại. Huống chi bọn cuồng giải thời nay, rơi vào danh, chấp vào tướng, tức là bọn phạm phu hủ lậu. Nếu như bài bác nhân quả, tức là bọn ngoại đạo chủ trương không kiến. Lại có hạng chướng ngại sâu dày, trí tuệ cạn cợt, học hành không rõ, cái tà nhập vào xương tủy, làm chôn mất chân tính của mình, hoặc vì giới pháp sơ sài, cương thường rối loạn mà phạm vào giới cấm, hoặc vì giáo lý chưa rõ ràng, nói năng bậy bạ vô nghĩa mà rơi vào ngoại đạo, hoặc vì không giữ hạnh nguyện nên mê lầm vào đường tà, bị rớt vào cõi ma.

Than ôi ! Muốn cho người ta không nghi ngờ thật là khó vậy. Tôi đây không phải là kẻ thông mẫn, nhưng quả thực thương cho họ lắm, chẳng biết làm sao hơn ! Người xưa có bảo :“Đặt tay mà kéo người khác đi thì không thể được, chỉ khi nào người ta chịu đi mới được”. Sách Khải Phát của Tổ Quy Sơn dạy rằng :“Muốn hưng khởi cái chí quyết liệt, muốn mở rộng cái ước mong thành đạt, phải nhìn vào bậc thượng trí đừng theo hạng tầm thường”. Trong đời này phải cho xong dứt sự suy nghĩ, lo liệu, không thể do người khác. Chốn phồn hoa huyền ảo nên



tránh xa. Những chỗ như lầu ca, quán rượu, ân nghĩa quen thuộc, thi đàn, văn xã, đấu chương trích cú, phê bình việc xưa nay, so dài tranh ngắn, thuyết giảng thứ học thuật vô nghĩa, vô vị, các nhà lý luận kém trí tuệ khoe danh giải thích sai lầm về sự đốn ngộ trong các tông thừa, khinh thị giới luật, những chỗ như thế đều phải tránh xa. Những đám làm loạn đạo như thế cùng với loài ma có khác gì ? Nếu như rời xa các chỗ ấy thì mọi đạo nghiệp đều trở nên rõ ràng. Người xưa còn bảo rằng :“Tất cả ngộ cơ, nếu không có bạn thì không phát ra được. Tất cả ác pháp, nếu không có bạn thì không ngưng lại được”. Như nhà Nho bảo :“Lấy văn chương mà kết bạn, lấy bằng hữu để bổ túc ý nhân”. Ví như tính của gió tuy là không, do vì thổi qua rừng chiên đàn mà gió có mùi thơm kỳ diệu, do vì thổi qua đám phân dơ mà có mùi hôi hám. Bạn bè cũng như thế. Vì vậy tu hành cần có bạn, mới phân biệt rõ ràng sạch và dơ. Một là bạn bè ở chốn rừng núi an nhàn thì có thể giúp làm ngưng cái tâm nóng nảy. Hai là bạn nghiêm trì giới luật thì có thể làm phai nhạt ngũ dục (46). Ba là bạn có trí tuệ rộng lớn mới có thể giúp ra khỏi bến mê. Bốn là học hành uyên bác mới có thể giải quyết những điều khó khăn nghi ngại. Năm là bạn trầm tĩnh, mặc nhiên mới giúp thanh thản, tiến thủ được. Sáu là hạng khiêm tốn, nhẫn nhục thì giúp tiêu trừ ngã mạn. Bảy là hạng bạn lòng thẳng nói ngay mới có thể ức chế được các lỗi lầm. Tám là bạn đồng dũng mãnh, tinh

tiến, mới giúp thành được đạo quả. Chín là hạng xem thường của cải, thích bố thí mới giúp phá được tính keo kiệt, bòn xén. Mười là bạn nhân từ che chở cho muôn vật mới giúp đuổi trừ được sự chấp ta chấp người.

Nếu không được số bạn trong sạch như thế, thì nên ở riêng một nơi, tự phân biệt lấy đạo nghiệp. Hãy lấy tượng Phật làm thầy, lấy Kinh Luận làm bạn, còn như bọn chơi đùa kia thì nên dứt sự liên hệ. Như vào trong vườn, tuy không có loài hoa đẹp, cũng không nên trồng cỏ thối, chẳng ích gì cho cái tâm thưởng thức mà làm tăng sự chán ghét. Vì thế Hòa thượng Vĩnh Minh có dạy : “Thân đang ở trong biển khổ phải nhờ vào các bậc Thiết-la-hán, chứ khi đã rời biển khổ thì phải bỏ cái bè mà lên bờ”. Nên bảo rằng như người trong lòng mang Thánh thai, thì lời nói dững mãnh khác người, không chút do dự gì cả là đấy vậy.

Như có người xem qua bản luận cho rằng lời của kẻ hèn này là đúng, nên mau cải hối mà sanh sự hổ thẹn, phát đại dũng mãnh mà tự mang lấy bản lĩnh. Đời nay không xong thì đợi đến lúc nào ? Xin nhớ rằng từ cõi phàm vào cõi Thánh chưa từng có việc không tu mà đạt được. Nếu muốn thấy rõ cái bốn phận mình và đời nay nắm được sự lý rốt ráo thì xin xem phần dưới đây, giải mười bài tụng mà rõ trước sau vậy.

QUYỂN HẠ

LUẬN GIẢI

VỀ CÁC BÀI TỤNG TRANH CHẶN TRÂU

*Tỳ-kheo Quảng Trí hiệu Pháp Thông ở tại Kinh đô nước Việt luận giải.*

Trước khi giải thích về các bài tụng tranh chẵn trâu, xin đưa ra phần hỏi đáp sau đây để được sáng tỏ.

Kính nghe, đạo Tổ lúc hưng khởi, phần Bồ-đề vi diệu đã làm mới mẻ hai cõi. Pháp ấy quả là ngon gió chân thật, loại sương kỳ đặc, do ngài Đạt-ma đầu tiên truyền bá ở cõi đông (Trung Hoa). May được ngài đem đạo Tổ từ phương Tây (Ấn Độ) đến, bí mật bày ra yếu chỉ Biệt truyền. Linh cơ bỗng gõ, trở lại cái không ban đầu của “tâm vô thánh”. Ngài bẻ cành lau mà vượt qua sông, chín năm ngó vách, công phu cao vời. Một chiếc giày quay về, ngàn thuở đạo mãi mãi hưng thịnh. Ân đức thấm nhuần khắp chốn, rừng thiên nảy nở vun bồi. Gương tuệ treo cao, đất học càng phát huy rực rỡ. Cho nên đạo Tổ tùy nghi, cứ theo đời mà rớt cuộc vẫn tịch lặng, chưa từng xả

bỏ lòng từ, cho đến nay có ai dám chối cãi điều ấy ? Chánh pháp nhãn tạng (47) chính do Phật, Tổ truyền lại, rõ ràng cửa cam lộ lớn lao thực là nơi người học hướng đến. Mở rộng tu hành quán xét, những ai bỏ phạm vào Thánh đều lạng lẽ chẳng để dấu vết. Cái yếu chỉ của đức Phật chúng ta xưa nay, vốn thông suốt trời đất, khó nghĩ khó dò, công phu của tự tính là chung và thủy tự toàn. Chỉ vì tâm cấu uế chưa dứt, nếu dứt được, tức Bồ-đề. Khi ấy tâm sạch, dơ đều sáng, xưa nay là Phật vậy.

Phật, Tổ tùy nghi mà bày ra các giáo pháp. Kể tu trước hay sau, ai ai cũng được các ngài ban bố. Đó là việc suất tính, tu thân, để đạt đạo trong đời này. Vui theo tự nhiên mà biết rõ cái mệnh, thì đạt được cảnh thiên thoát ngoài sự vật. Khóa vàng bỗng mở, chẳng kể mình hay người được giải thoát. Mối nghi đã phá xong thì có gì để so đo ! Nên bảo rằng :“Tuy nguồn không hai ngã, nhưng phương tiện có nhiều đường.”

Loại tranh này là tranh “chỉ thẳng”, vốn dùng cho hạng sơ cơ đến hạng trung bình. Riêng hạng có trí tuệ nhạy bén thuộc căn khí đại thừa thì ở đây không bàn đến.

*Luận rằng :*

Trong kinh có dạy :“Chỉ vì gió cảnh thổi động khiến cho sóng lớn nổi lên”.

Sóng với nước tuy khác nhau nhưng tính của chúng chỉ là một. Tuy nhiên nước hay chở thuyền, sóng làm lật

thuyền. Vì thế các tranh này gọi thức thứ sáu là người chẵn và năm thức kia là con trâu.

*Hỏi* : Người chẵn là thế nào ?

*Đáp* : Như người học có thể chuyển biến để quan sát kỳ diệu. Thấy sắc không làm sắc ; nghe tiếng không chấp tiếng ; thơm, thối không nê ; ngọt, đắng một vị ; thô, tế đồng thể. Cứ thế mà thành trí tự nhiên, đó chính là cái thức thứ sáu tức là người chẵn vậy.

*Hỏi* : Vì sao gọi năm thức kia là trâu ?

*Đáp* : Năm thức này, mỗi cái đều có phần việc riêng. Mỗi cái đều dựa theo cái thể của nó. Chỉ do vì căn (48) trong, trần (48) ngoài, hợp nhau mà thành. Tội và nghiệp do đó mà sinh ra. Như người học chuyển thức thành trí để hoàn thành công phu tu tập. Do vậy gọi năm thức là trâu.

*Hỏi* : Do ý nghĩa nào mà trên tranh lại vẽ thêm tranh ?

*Đáp* : Dụng (49) từ thể (49) mà khởi sinh. Có thể rồi thì dụng mới thể hiện. Cổ đức dạy :“Tâm vốn không, cảnh vốn lặng”. Theo cái lý của thể thì sai khác, thể mà không sai biệt. Một, hai không ngăn ngại thì mới vào cửa “bất nhị” (50). Thể, dụng không trái nhau thì mới vào cảnh chân như. Nên bức tranh ở trên là thể, bức ở dưới là dụng vậy.

*Hỏi* : Mạ (lúa non) tốt là gì ?

*Đáp* : Năm thứ dục trong cõi trần gọi là mạ tốt.

*Hỏi* : Dây thừng là gì ?

*Đáp* : Kiên trì giới luật gọi là dây thừng.

*Hỏi* : Cây roi là gì ?

*Đáp* : Ý chí cứng rắn là cây roi.

*Hỏi* : Vì sao con trâu lúc đầu thì đen ?

*Đáp* : Do vì lâu ngày đắm say ở cõi đời, bị ô nhiễm năm thứ dục mà thành đen.

*Hỏi* : Vì sao về sau con trâu lại trắng ?

*Đáp* : Đây là màu sắc chân thật của con trâu thuở ban sơ trời đất.

*Hỏi* : Vì sao trước hết là quên trâu ?

*Đáp* : Đây là do năm cản trở về với bản nguyên, nên trâu được quên trước.

*Hỏi* : Vì sao không thấy cả người lẫn trâu ?

*Đáp* : Đó là cái tình Thánh, phàm đã chấm dứt. Năm uẩn đều mất, về sau trí bát-nhã (52) đầy đủ. Tâm và cảnh đều mất, nên bảo rằng người và trâu đều không thấy.

*Hỏi* : Tướng viên mãn xuất hiện là thế nào ?

*Đáp* : Đó là trở lại cái mặt mũi xưa nay (53) của ta vậy.

Khi bàn về lúc chưa chẵn thì có hai ý : chung và riêng. Hết thầy sang và hèn gọi là chung. Tại gia và xuất gia gọi là riêng.

Khoan hoà du ngoạn ẩm tửu



CHƯA CHĂN

BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ VỀ TRANH  
THỨ NHẤT

“CHƯA CHẴN” (vị mục)

Phiên âm :

Sanh nanh đầu giác tứ bào hao,  
Bôn tẩu khê sơn lộ chuyển giao.  
Nhất phiến hắc vân hoành cốc khẩu,  
Thùy tri bộ bộ phạm giai miêu.

Dịch :

*Đầu sừng dữ tợn rống hung hăng,  
Vượt suối xuyên ngàn mải chuyển băng.  
Một đám mây đen giăng cửa động,  
Lúa non giẫm nát biết cùng chăng ?*

Giải :

Hung dữ thô bạo, ngu xuẩn mà cứ khoe khoang đùa  
lộng. Chạy theo cảnh trần mà chẳng chịu quay đầu lại.  
Vô minh bao che cái tâm, gây điên đảo chướng ngại  
nặng nề. Khởi một chút động niệm của tâm thì liền sai  
với “cửa pháp”.



*Luận :*

Tất cả bọn ngu ngơ hung dữ, tính tình giống với loài vượn, loài ngựa, không theo pháp luật. Trên không sợ lễ trời, dưới không tin có địa ngục. Khi tối tăm không sợ quỷ thần, lúc sáng sủa không kiêng phép nước, chỉ dựa vào sức mạnh mà hà hiếp người yếu. Cho nên nói một đời nanh sừng mà còn khoe khoang dũng mãnh. Do cái hung bạo ngu si ấy nên bảo rằng gằm thét chẳng kiêng ai. Kết bè đảng để làm việc ác, lập nhóm kết đoàn chạy theo cảnh trần, nghiệp thức mang mang, đây là chạy rông khắp khe núi, đường này qua đường khác. Chỉ vì vô minh che mắt ruộng tâm, nên gọi là có đám mây đen che ngang miệng hang ; do tham khởi sân, do sân khởi si, tạo nên các thứ tội lỗi mà không nghĩ rằng như thế là làm tổn hại kẻ khác. Nên bảo rằng :“Chẳng biết tới ai”, chỉ say đắm theo năm thứ dục, tức từng bước xâm phạm vào chỗ mạ tốt.

Những lời giải thích trên đây là nói đến sự việc thế gian dính mắc vào cái nghiệp đen tối rồi tạo thành các thứ oan khiên sâu nặng. Người xuất gia không phải như thế, nên Hàn Sơn viết (54) :

Bậc thượng nhân có tâm mạnh mẽ, nhạy bén, mới nghe thì hiểu ngay được lẽ vi diệu ; hạng trung lưu thì tâm thanh tịnh, phải suy nghĩ kỹ mới hiểu được yếu chỉ ; còn hạng thấp hèn ngu độn rất khó lột lớp ngoan si để hiểu được, đợi đến lúc nguy nan mới từ bỏ sự ngoan

cổ. Xem và nắm cho được thăng giặc mở mắt, cái cọc để  
hợp người cho đông chợ, xác chết vứt bỏ như bụi, lúc ấy  
biết nói với ai ?

Kẻ nam nhi đại trượng phu,  
Một đao đứt tuyệt ;  
Kẻ mặt người lòng thú,  
Biết lúc nào dừng.

Đấy là lời của bậc thánh từ xưa, người có trí phải nên  
ghi nhớ. Lời giải riêng :

Mất giới luật thì tình kia thô tháo.  
Đuổi theo lợi danh thì khó tính một đời.  
Vô minh che lấp làm mờ đi chơn tâm.  
Hể khởi lên động niệm của tâm liền sai với  
cửa pháp.

*Luận rằng :*

Dù cho tuổi cao mà không có giới đức, uổng cho cái  
tâm cao vời, không chịu gần gũi bạn tốt, chỉ biết kêu  
ngạo, cứ ở riêng một nơi, cử ý mình mà lăng nhục người  
khác, thế nên bảo rằng sinh ra có đầu sừng hung dữ. Lại  
hay rộng miệng la lối mà không suy nghĩ, nên gọi là hống  
hách chẳng sợ ai, để rồi theo duyên bám cảnh, đạo học  
thô sơ, không thể quay về phản tỉnh, nên gọi là chạy rong  
khấp khe núi, qua đường này đường nọ. Chẳng có tuệ  
quán, chẳng biết hổ thẹn, cứ chủ trương sai lầm về thị

phi nên gọi là có mây đen giăng qua miệng hang. Không biết suy nghĩ, bên trong không giữ được niệm, miệng nói lời không đúng, không theo kinh luật, đối với người nào cũng vậy, việc gì cũng thế, nên bảo rằng chẳng cần biết đến ai. Nếu cứ như thế thì chẳng ích gì cho tâm đạo mà còn làm thương tổn đến đức thực của mình. Không tiến bộ về Đạo và trang nghiêm bản thân, chỉ lo cho đầy đủ ăn, mặc, ngủ, nên gọi là bước bước xâm phạm vào đám mạ tốt.



Tăng và tục rời rãnh đàm thoại kinh điển.

BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ VỀ TRANH  
THỨ HAI

“MỐI DẮT” (sơ điều)

Phiên âm :

Ngã hữu mang thẳng mạch ty xuyên,  
Nhất hồi bốn cạnh thống gia tiên,  
Tùng lai liệt tánh nan điều chế,  
Do đắc sơn đồng tận lực khiên.

Dịch :

*Ta có dây thừng xoắn mũi trâu,  
Mỗi lần nó chạy, đánh roi đau.  
Xưa nay tánh xấu khôn điều chế,  
Nên kẻ chẵn kia phải dãi dầu.*

Giải :

Giữ thân hành động theo pháp luật thì không bị sai  
suyển bao giờ.

Buông lung tình cảm thì luôn bị đau khổ.

Kẻ sơ cơ sức yếu rất khó câu thúc được sự tán loạn,  
hôn trầm.

Phát tâm lập chí thì phải ra công khổ nhọc.

*Luận :*

Ví như viên ngọc ma-ni to lớn, thể tính sáng sủa, sạch trong mà bị các chất dơ bẩn bám vào, nếu người biết vật quý mà không dùng phương tiện mài giũa gạn lọc thì rồi không được thanh tịnh. Cũng vậy, với pháp chân như, nếu không dùng phương tiện xông ướp thì cũng không được thanh tịnh. Há chẳng thấy mười lực (55) của Phật, có hai lực (56) quan trọng nhất : do nghiệp lực mà vào con đường sinh tử rồi do định lực mà ra khỏi sinh tử đó sao ? Bài tụng bốn câu về “Mới dất” này đại ý như thế.



Tĩnh lý — MỐI CHĂN (SƠ ĐIỀU)

BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ VỀ TRANH  
THỨ BA

“CHỊU PHÉP” (thọ chê)

Phiên âm :

Tiệm điều tiệm phục tức bồn trì,  
Bộ thủy xuyên vân bộ bộ tùy.  
Thủ bả mang thẳng vô thiếu hoãn,  
Mục đồng chung nhật tự vong bì.

Dịch :

*Trâu dần chịu phép thôi lung chạy,  
Vượt nước qua mây bén gót người  
Trẻ nắm giây thừng quên nhọc mệt,  
Trợn ngày chằm chỉ chẳng hề lơ.*

Giải :

Ở kẻ ngu, động và tịnh, thể vẫn an nhiên. Nơi người phạm, nhiễm và lậu, tính lại tự thành.

Cứ quyết chí mà gia tăng sự tinh tiến thêm một bước. Đây là kẻ phấn đấu không nghĩ đến thân, cứ chuyên tinh cho đến đạo.

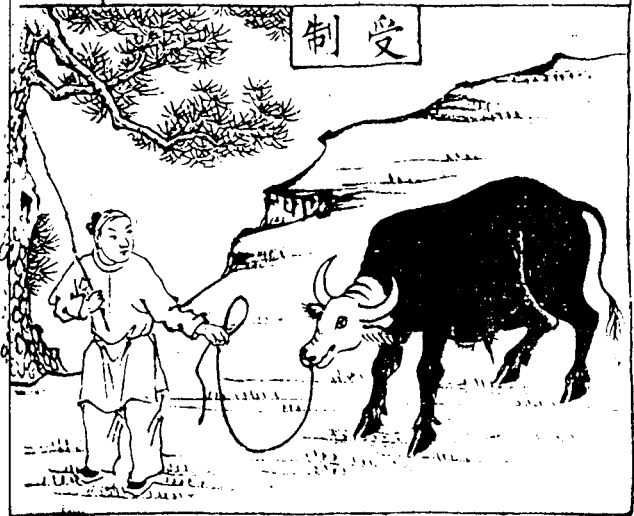


*Luận:*

Như Hòa thượng Dũng Tuyên dạy :“Ta ở đây đã bốn mươi năm thế mà có lúc vẫn còn tẩu tác.” Hòa thượng Đàm Hối bảo :“Việc này thực hết sức khó, phải có tâm quý mới được”. Nói tâm quý tức : thẹn với bạn bè gọi là tâm, thẹn với đạo hữu gọi là quý. Người ấy là ai, ta đây là ai, há ta chẳng có đủ các thứ chẳng ?

Đại phạm người hành đạo nên nâng cao ý mình, quyết liệt tâm mình, lấy việc xuất thế làm hoài bảo, lấy việc sáng tâm làm cứu cánh của mình. Sáng lo nghiên ngẫm, tối lo suy tư, không lúc nào ngừng nghỉ. Sau đó chẳng biết chẳng hay, lướt mắt ngộ nhập.

Nên bảo, trời sinh đức Di-lặc, đất nảy đức Thích-ca. Không cầu mà tự đến, không làm mà tự nên. Bài tụng này ý đại khái như thế.



Tĩnh lý — CHỊU PHÉP (THỌ CHẾ)

BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ VỀ TRANH  
THỨ TƯ

“QUAY ĐẦU” (hồi thủ)

Phiên âm :

Nhật cửu công thâm thủy chuyển đầu,  
Điên cuồng tâm lực tiệm điều nhu.  
Sơn đồng vị khảng toàn tương hứa,  
Do bả mang thẳng thả hệ lưu.

Dịch :

*Lâu ngày chịu phép mới quay đầu,  
Tâm lực điên cuồng chuyển, chuyển nhu.  
Ngời dất vẫn còn chưa chịu thả,  
Giây thường giữ chặt, dăm lời đầu.*

Giải :

Lâu ngày dùng công phu làm cho thuần thục dần,  
Hai ma hôn trầm, tán loạn dần dần được hàng phục.  
Công phu đến đây rồi lại phải gia tăng tinh tiến,  
Ngâm cầm roi, mật luyện tập không thể buông lơ.

*Luận :*

Như kinh có dạy :“Lý nên ngộ liền. Thừa ngộ xong nên bỏ. Sự không thể trừ ngay được, cần phải đoạn dứt dần cho đến hết”. Nên ngài Quy Sơn dạy :“Tuy được một niệm đốn ngộ tự tâm, vẫn còn có tập khí từ vô thủy, chưa thể dứt ngay được, nên cần phải tinh cần thì mới trừ xong”. Hãy cứ tu như thế thì mới trừ sạch được hiện nghiệp, lưu thức. Cứ sạch tâm tư, bỏ lo lắng, xả cái cũ, thu cái mới. Mặc áo vi diệu của thượng hạnh (57), uống vị huyền linh của đê-hồ (58). Cứ như thế thì đạo lớn mới được tu, được chứng. Duyên trần cảnh cứ mỗi ngày mỗi tiêu.

Hòa thượng Lý Văn có bài tụng rằng :

Âm :

Học đạo tu thị thiết hán,  
Thủ bả tâm đầu tiện phán.  
Trực siêu vô thượng Bồ-đề,  
Nhất thiết thị phi mặc quản.

Dịch :

*Học đạo nên là kẻ vững vàng,  
Đầu tâm chộp được, chẻ phanh ngang.  
Nhảy lên thẳng tới Bồ-đề quả,  
Hết thấy thị phi thật chẳng màng.*

Hòa thượng Long Nha Tài có dạy :

Âm :

Học đạo như toản hỏa,  
Phùng yên vị khả hưu.

Dịch :

*Học đạo như dùi cây kiếm lửa,  
Chưa ngừng khi gặp khói bay lên.*

Bài tụng “Quay đầu” này đại khái ý nghĩa như thế.



Tinh lự — QUAY ĐẦU (HỒI ĐẦU)

BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ VỀ TRANH  
THỨ NĂM

“NGOAN NGOÃN” (thuần phục)

Phiên âm :

Lục dương âm hạ cổ khô biên,  
Phóng khứ thâm lai đắc tự nhiên.  
Nhật mộ bích vân phương thảo địa,  
Mục đồng quy khứ bất tu khiên.

Dịch :

*Dưới bóng dương xanh khe nước xưa,  
Buông buông, nắm nắm, mặc tình ta.  
Cỏ thơm, chiều xuống vùng mây biếc,  
Trẻ khỏi cần chăn, vẫn tới nhà.*

Giải :

Chốn phồn hoa huyền ảo, hoặc chỗ cảnh sắc thanh u, đều không bị ràng buộc vì cảnh, đến đâu cũng thông dong tự tại. Trước mắt tuy có ngàn việc sai khác, nhưng trong lòng chỉ có một cảnh mà thôi. Sự tán loạn của tâm đã dứt, cứ thuận hợp với cửa định.

*Luận :*

Hòa thượng Cao Phong dạy :“Cái pháp môn thuần thực này cũng như người bắn giỏi vậy. Đưa cung bắn một mũi tên vào không trung, rồi lấy mũi tên khác bắn vào đuôi mũi tên trước, các đuôi tên đều khít vào nhau. Các mũi tên sau đều bắn đúng vào đuôi mũi tên trước, đầu đuôi vừa khớp trên dưới một mối, vẫn ở trên không rất lâu mà không rớt xuống”. Cho nên cái công phu tinh tiến thuần thực quyết chẳng phải do thần lực mà đến được. Phạm việc dụng công tu học cũng phải được như thế. Nên biết người có công phu thuần thực thì đi xa ngàn dặm cũng chẳng kinh sợ, có vạn loài ma quỷ quấy nhiễu mà chẳng quay đầu là vì sao ? Đó chính là vì có lòng thâm thiết vậy. Hòa thượng Kiến Nam dạy :“Từ khi biết được viên ngọc sáng này thì Thích, Phạm, Luân Vương cũng đều chẳng cần”.

Bài tụng “Ngoan ngoãn” này ý đại khái như thế.





Kinh an — NGOAN NGOẢN (THUẦN PHỤC)

BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ VỀ TRANH  
THỨ SÁU

“KHÔNG NGẠI” (vô ngại)

Phiên âm :

Lộ địa an nhiên ý tự như,  
Bất lao tiên sách vĩnh vô câu.  
Sơn đồng ổn tọa thanh tùng hạ,  
Nhất khúc thẳng bình lạc hữu dư.

Dịch :

*Thích ý nằm yên giữa đất bằng,  
Cần chi roi đánh với giây ràng.  
Cội tùng mục tử ngồi êm ả,  
Tiếng sáo thanh bình vui thổi vang.*

Giải :

Mặc ý nổi chìm theo duyên phóng khoáng,  
Không buông lung xa xỉ, mà chẳng câu thúc tiểu tiết.  
Tắm lòng thanh thản đi vào núi rừng hoặc thành thị,  
Chẳng có ai là tri âm, chỉ nhàn nhã tự biết mình.

*Luận :*

Đức Tam Tổ dạy :

Chớ theo duyên thấy có,  
Chẳng dừng chỗ tướng không.  
Một tâm này chẳng hở,  
Tự nhiên lòng lắng trong.

Nên ngài Tam Triệu có luận rằng :“Bậc thánh để tâm vào cái hữu mà không hữu, ở chỗ vô mà không vô”. Nên hòa quang đồng trần (59) quanh quất trong năm đường, đi vẫn an nhiên, đến vẫn tự tại. Dừng đứng chẳng làm gì nhưng không có gì là không làm (60). Bậc thánh nhân ấy rũ tay mà dạy người, đi về trong năm loài mà tiếp hóa chúng sanh. Tuy có đến đi nhưng không hề có tướng đến đi. Như ngài Phật Quả nói :“Hồn hậu đoan trang”, ngài Diệu Hỷ bảo :“Điều đạt, hoạt hoãn”, ngài Cao Phong gọi :“Giản luyện, tinh nghiêm”, ngài Huyền Trụ cho là :“Tường minh, thôi sát”. Nên bảo rằng cửa u huyền tuy mở ra đây, nhưng sự ứng giải của các vị Thánh không giống nhau. Nếu không có gốc thì không để lại dấu tích, không có dấu tích thì không bày tỏ được cái gốc. Gốc và tích tuy khác nhau nhưng cũng chính là cái một không nghĩ bàn được.

Bài tụng “Không ngại” này ý đại khái như thế.



Hòa quang đồng trần — VÔ NGẠI (VÔ NGẠI)

BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ VỀ TRANH  
THỨ BẢY

“THEO CUỘC” (nhâm vận)

Phiên âm :

Liễu ngàn xuân ba tịch chiếu trung,  
Đạm yên phương thảo lục nhung nhung.  
Cơ xan khát ẩm tùy thời quá,  
Thạch thương sơn đồng thụ chính nồng.

Dịch :

*Sóng xuân lặng chiếu liễu bên bờ,  
Khói nhạt cỏ thơm xanh mơn mơi.  
Ngày tháng, đói ăn cùng khát uống,  
Mục đồng trên đá ngủ say sưa.*

Giải :

Việc ăn uống hàng ngày không bị say đắm vào chỗ  
phồn hoa huyền ảo,

Nơi cảnh sắc thanh u, theo dòng mà nhận ra được  
tính.

Theo duyên mà tiêu trừ nghiệp cũ, không tạo ra oan

khiên nữa,

Theo thời mà mặc áo là thuận với lẽ thiên chơn vậy.

*Luận :*

Hòa thượng Vô Nghiệp dạy :“Người xưa sau khi đắc ý thì ở chốn nhà cỏ, vách lá, nấu cơm nơi chõng gầy chân, trải qua hai ba chục năm, chẳng để ý đến danh lợi, chẳng nghĩ đến tài sản quý báu, quên phứt người đời, ở ẩn trong chốn rừng núi cao sâu. Vua đòi cũng không đến, chư hầu mời cũng không dự”. Bên trong ngưng ý, bên ngoài quên duyên, chuyên tinh mà đến đạo. Như ngài Vĩnh Gia dạy : “Thân nghèo, đạo chẳng nghèo”. Nghèo là thân mang áo rách, đạo tâm thì vô giá trên châu. Đấy là cùng với đức Thích-ca, Di-lặc, Tịnh Danh (61), Bàn Lão (62) chẳng hơn chẳng kém, chẳng hai chẳng khác. Thấy cùng một mắt mà thấy, một tai mà nghe, một thứ thọ dụng, một thứ biến hiện, thiên đường địa ngục, tùy ý tiêu dao, hang cộp cung ma, dọc ngang không ngại. Đẳng đẳng nhậm vận, nhậm vận đẳng đẳng. Người xưa có bài tuyệt cú :

Vũ nội vi nhàn khách,  
Nhân trung tác dã tăng.  
Nhậm tùng tha tiểu ngã,  
Nhậm vận tự đẳng đẳng.

Dịch :

*Giữa đời làm nhàn khách,  
Cõi người, kẻ tặng quê.  
Cười ta dù ai đó,  
Theo cuộc cử riêng bề.*

Đây là ý đại khái của bài tụng “Theo cuộc”.



Tuyển thạch tự ngu — THEO CUỘC (NHÂM VẬN)



BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ VỀ TRANH  
THỨ TÁM

“QUÊN NHAU” (tương vong)

Phiên âm :

Bạch ngư thường tại bạch vân trung,  
Nhân tự vô tâm ngư diệt đồng.  
Nguyệt thấu bạch vân, vân ảnh bạch,  
Bạch vân minh nguyệt nhậm tây đông.

Dịch :

*Trâu trắng thường trong mây trắng bay,  
Vô tâm, người ấy lẫn trâu này.  
Trăng xuyên mây trắng, hình mây trắng,  
Mây trắng, trăng trong, đông lại tây*

Giải :

Cảnh trí vốn ngầm chứa một vị không tịch,  
Cảnh trí đều tịch lặng thì tâm và lực được an nhiên.  
Trong chỗ không tịch ngầm ẩn cái linh minh,  
Trong linh minh ngầm ẩn cái không tịch,  
Sắc và không, tự bản thể vốn là một

*Luận :*

Người xưa có bảo :

“Trúc biếc, hoa vàng đâu phải cảnh,  
Trăng trong, mây trắng hiện toàn thân”.

Đây chính là con đường chính yếu để quay về nguồn cội, khi công phu đạt đến chỗ này, cần phải gia tăng tinh tiến. Nói rõ là đi mà không biết đi, ngồi không biết ngồi, không phân biệt đông, tây, chẳng chia cách nam, bắc. Không còn thấy một pháp nào để gán tình vào đó. Quả thực giống như cái chùy sắt không có lỗ. Cái nghi và cái bị nghi, tâm bên trong và cảnh ở ngoài cùng quên mà cùng chiếu. Không không cũng là không. Đến được chỗ này thì cái nhắc chân lên, cái đặt chân xuống, coi chừng chớ làm lật biển lớn, đá đổ núi Tu-di. Co, duỗi, cúi, ngưỡng đều luôn để ý tới. Chọc mù mắt Tổ Đạt-ma, đập vỡ mũi Phật Thích-ca. Những cử động và hành vi ấy đều không ra khỏi rừng Bồ-đề. Biển Hoa Tạng tuy là rộng lớn, lồng lộng bao la nhưng không có hạt bụi nào mà nó không chui qua. Thông dong mà cưỡi vàng nhật sáng, cần chi phải nhọc sức dùng biện tài vi diệu để tuyên dương, cần chi phải mượn thần thông mà hiển thị. Nếu được thế ấy và đi, đứng, ngồi, nằm đều được như thế, thì thấy gì cũng là cơ duyên. Tuy ứng dụng có ngàn sai muôn khác, nhưng vẫn là cái tự tính của chân như, tuyệt nhiên

bất động. Xưa có bài kệ :

Chỉ thử kiến văn phi kiến văn,  
Vô dư thanh sắc khả trình quân.  
Cá trung nhược liễu toàn vô sự,  
Thế dụng hà phòng phân bất phân.

Dịch :

*Chỉ có kiến văn không kiến văn,  
Đâu thừa hình, tiếng để trình anh.  
Trong đây nếu hiểu toàn vô sự,  
Thế, dụng ngại gì phân, chẳng phân.*

Ngài Ngũ Tổ dạy :

Nhất Phật, nhị Phật, thiên vạn Phật,  
Tổng thị tự kỷ vô biệt vật.  
Tịch nhiên thâm chủng thiện căn lai,  
Kim nhật y nhiên đắc cự lực.

Dịch :

*Một Phật, hai Phật, ngàn vạn Phật,  
Đều là Ta đấy chẳng gì khác.  
Vốn mình trồng lấy gốc lành kia,  
Lực lớn đến nay ắt phải đạt.*

Hà Trạch Thiền sư dạy :

Bản lai diện mục thị chân như,  
Xá lợi quang trung nhận đắc cừ.

Vạn kiếp mê đầu kim thử ngộ,  
Phương tri tự tính tức Văn-thù.

Dịch :

*Xưa nay mặt mũi chính chân như,  
Trong ánh ngọc kia nhận biết chừ.  
Vạn kiếp mê lầm nay được ngộ,  
Mới hay tự tính tức Văn-thù.*

Trên đây là ý đại khái của bài tụng “Quên nhau”

千思頓歇  
一念空諸

大休大歇



相忘



Đại thể đại yết — QUÊN NHAU (TƯƠNG VONG)

BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ VỀ TRANH  
THỨ CHÍN

“RIÊNG CHIẾU” (độc chiếu)

Phiên âm :

Ngưu nhi vô xứ, mục đồng nhàn,  
Nhất phiến cô vân bích chướng gian.  
Phách thủ cao ca minh nguyệt hạ.  
Quy lai do hữu nhất trùng quan.

Dịch :

*Trâu kia đã vắng, mục đồng nhàn,  
Một đám mây đơn chốn núi xanh.  
Trăng sáng, vỗ tay cao tiếng hát,  
Quay về còn có một trùng quan.*

Giải :

Bỏ cái chấp vào kẻ khác, chứng được trí hiểu “các pháp đều không” thì các nghi ngờ vi tế bật, nhưng cái tinh diệu vẫn chưa tròn đầy !

Thế mới biết quả thực đường về quê nhà vẫn còn ở  
nơi bờ sinh tử.

Cần phải biết rằng rớt ráo ở bên kia núi xanh.

*Luận :*

Đó chính là cái “tâm không” riêng chiếu, không trở  
ngại với đạo. Cũng như người giả, ngựa gỗ, tình và thức  
đều không có. Như thế mới có thể rũ tay vào chỗ đông  
người, đổi thân thành loài khác. Nên biết rằng niềm vui  
này không phải là quên niệm, chú vào tình thức, mà đó  
chính là niềm vui “chân tịnh vô vi”.

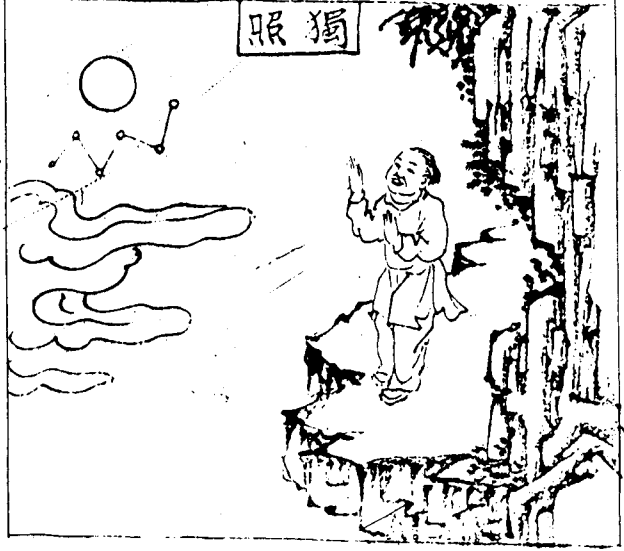
Đấy cũng như cái vui của ông Nhan Hồi (63) trong đạo  
Khổng, ở nơi ngõ hẹp quê mùa, như cái vui của ông Tăng  
Sâm múa ở đài Vũ Vu mà về. Đấy là mang niềm vui “chân  
không vô sinh”.

Người xưa bảo :“Dù trai dù gái đều tu được cả ; kẻ trí  
người ngu đều có phần”. Hễ cứ quay về tự phản tỉnh thì  
mới biết rằng bản thể vốn không. Nên bảo rằng : Ngọc  
sáng làm sạch bụi, đài linh bỗng nhiên có kính. Tròng con  
mắt đã hết nhặm, thì mắt không còn hoa đốm.

Kinh Phật dạy :

“Chư Phật giống như một cái kính tròn lớn. Thân ta  
giống như ngọc ma-ni. Pháp thân của chư Phật nhập vào  
cái thể của ta. Thân ta thường nhập vào thân của chư  
Phật”.

Đó là ý đại khái về bài tụng “Riêng chiếu”.



Giác thiên hoả lộ — RIÊNG CHIẾU (ĐỘC CHIẾU)



BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ VỀ TRANH  
THỨ MƯỜI

“CẢ HAI ĐỀU VẮNG BẶT” (song dật)

Phiên âm :

Nhân ngư bất kiến yếu vô tông,  
Minh nguyệt quang hàm vạn tượng không.  
Nhược vấn kỳ trung đoan đích ý,  
Dã hoa phương thảo tự từng từng.

Dịch :

*Chẳng thấy người, trâu ; dấu mịt mù,  
Ánh trăng trong suốt, thấy đều không.  
Muốn tìm ý chính bên trong ấy,  
Cỏ dại hoa thơm vẫn biếc nồng.*

Giải :

Tâm, pháp, cả hai đều quên mất,  
Linh minh dứt sự đối đãi. Bản thể sáng sủa không có  
chỗ y cứ.

Cái ý rõ rệt, chủ yếu này cùng với đạo là một thì mới biết được.

Chứng nhập vào cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Dứt sạch năm ấm (64) và ba độc (65) nên bảo rằng: “Người và trâu đều không thấy, chính là lúc trăng sáng. Ánh trăng sáng cùng với vạn tượng đều không. Trong cái tính tịch diệt này, không thể dùng ngôn ngữ mà giảng biện, cần phải tự mình chứng lấy thì mới được, không thể dùng cái tính mà đo lường. Đó là “cái ý rõ rệt chủ yếu ở trong ấy”. Người xưa có dạy : “Mây tan, nước chảy đi thì tịch nhiên ; trời đất đều không, hoa đồng, cỏ nội đều xanh tốt”.

*Luận :*

Đó chính là cảnh giới viên giác ngầm chứa một vị không tịch của bản thể chân thực. Cái ý nghĩa này, cho dù có ngàn vị Thánh xuất hiện, có đủ các bậc biện tài vô ngại cũng không thể bàn cho rốt ráo được. Phóng ra một đường đao mà hướng vào cửa “kiện hóa” (66), tạm dựa vào ngôn ngữ mà miễn cưỡng nói ra, đó chính là cảnh giới của hai vị Bồ tát Văn Thù và Phổ Hiền. Tất cả chúng sinh tuy ở trong cảnh giới đó mà không tự biết, hàng tiểu thừa thì không thể đến đó. Cái cảnh giới này chẳng Thánh chẳng phàm, quả là khó thấy. Chỉ ngay trước mắt núi cao, biển rộng, cây bách thì ngắn, cây tùng thì dài, hoa đồng, cỏ nội, liễu lục, đào hồng, oanh ngâm, nhận

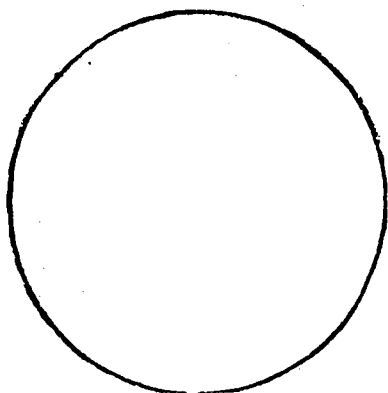
hót... Cứ thế mà suy thì sum la vạn tượng, chạm mắt gặp duyên. Núi sông nhà cửa đều đồng một thể, tuyệt chẳng phải là gì khác. Như Hòa thượng Khuê Phong dạy :“Tinh túy diệu vợ, linh minh sáng sủa, không đến, không đi, ngầm thông tam tế (ba thời). Không trong, không ngoài, suốt khắp mười phương, không diệt không sinh, há bốn núi (67) có thể hại được chăng ?” bỏ tính, bỏ tướng thì há năm sắc (68) có thể làm mù mắt được chăng ? Cho nên thể tính này là Phật tính mà tất cả chúng sinh vốn có, cũng chính là nguồn gốc phát sinh của cả thế giới vậy. Nên người có học, có công phu mà đạt tới địa vị tột đỉnh này, thì một lần được là được mãi mãi, một khi chứng là chứng mãi mãi. Nên bảo rằng thi đậu vào cái không của tâm, thấy rõ được cái mặt mũi của mình trước khi cha mẹ sinh ra. Đến được đất đại an lạc này, làm được cái điều vô vi, vô sự, chính là vị đạo nhân chân thực, siêu việt. Nên bảo rằng sự việc một đời tham học đã xong rồi vậy.

Đấy chính là ý đại khái của bài tụng “Cả hai đều vắng bật”, kẻ đi sau nên biết.

Khó gọi tên, khó miêu tả. Cả hai đều vắng bật.

○ 未生身處一輪明

狀 難 名 難  
泯 雙



○ 還我本來真面目

TỔNG LUẬN VỀ TƯỚNG VIÊN GIÁC  
TỊCH QUANG  
VÀ THỂ CHÂN KHÔNG DIỆU HỮU

Phàm đối với các vị mà một lần nhảy là nhập thẳng vào thì không cần nhọc công dùng roi vẩy gọi mà con trâu trắng cũng tự nhiên hiển hiện, không cần theo thứ tự mà trong nháy mắt “năng” và “sở” đều tiêu. Thế thì các hình vẽ trở thành đồ bỏ đi, các bài tụng cũng thành lời nói thừa, hướng chi là các lời trực luận, trực thuyết của sách này. Nếu bảo các vị ấy xem sách này thì họ phải phì cười mà thôi. Cứ thực mà luận thì nói cũng không được, im lặng cũng chẳng được. Dù cho cả nói lẫn im đều mất hết thì cũng chẳng ăn nhập gì. Thế thì sao việc hành hóa của chư Cổ Phật và phong thái của chư Tiên đức đều mỗi mỗi từ cái vô dục, vô y mà phát hiện ra ? Hoặc đưa ra núi cao tiêu bảng rồi không thể vin được, hoặc hài hòa dung hợp mà rồi cũng chẳng thấy gì. Rồi lại, không thể an định vào chốn nào, không biết nên nắm vào đầu nào. Không thị mà cũng không phải không thị, không phi

mà cũng không phải không phi. Được mà cũng không có gì được, mất mà cũng chẳng có gì mất. Chưa từng cách biệt một mảy may, chưa từng xê xích một tơ tóc. Sáng sửa đường xưa, không thuộc huyền vi. Đưa thẳng ra ngay, chớp mắt qua mắt. Ở nơi không chính há rơi vào đường tà, không đi đường lớn há rơi vào đường nhỏ ? Mặt, đầu không gặp, chạm mắt không xứng. Một niệm quán khắp khuếch nhiên không tịch. Cái tông yếu này ngàn thánh chẳng truyền, chỉ ngay đây mà biết. Tại đây siêu việt. Nên biết rằng : Pháp thân thì không có tướng, không thể dùng âm thanh mà cầu. Diệu đạo thì không có lời, không thể nhờ văn tự mà hiểu. Dù cho vượt Phật, vượt Tổ, cũng rơi vào tầng bậc. Dù cho nói diệu bàn huyền, rốt lại cũng mắc quai môi miệng. Cái tướng viên mãn này chính là diệu đạo nhất thừa tối thượng mà bậc trí tuệ có thể thực hiện. Công đức đầy đủ hưng thịnh vượt thẳng viên đốn, ánh sáng thanh tịnh chiếu khắp, cùng Phật không khác. Tự tính thanh tịnh tức là đức Phật Vô Cấu. Tự tính như như tức là đức Phật Tự Tại. Tự tính bất muội chính là đức Phật Quang Minh. Tự tính kiên cố tức là đức Phật Bất Hoại. Tất cả Pháp thân của chư Phật đều không thể nói hết được, cũng chỉ một chân tính mà thôi. Tính chính là tâm, tâm chính là Phật. Như Phật mới thành với Phật đã thành cũng không có hai thể. Chư Phật như là ông tiên bằng vàng đã thành tượng, chúng sinh như quặng vàng chưa thành tượng vậy. Đã thành và chưa thành đều

chỉ là phân biệt trước sau, chứ cái thể vàng vốn luôn luôn không khác biệt. Vì thế kinh Viên Giác dạy :“Đã thành vàng rồi thì không thể trở lại thành quặng được”. Trải qua vô tận thời gian, tánh vàng vẫn không hư hoại. Tánh vàng này mọi người đều có sẵn, không ai là không có. Cho đến chúng sinh ở khắp mười phương đều có Phật tánh kim cương. Trời đất vạn vật đều mang lấy Pháp thân đức Như Lai của chúng ta vậy. Nếu như người học thành tựu được việc tu hành, đạt đến địa vị này mới hay rằng trời đất với ta cùng một gốc, vạn vật với ta cùng một thể. Khắp cả pháp giới là cái Như Lai tạng (69), khắp đại địa là cái Pháp Vương thân (70). Chính thật tế chẳng khác, cùng với chư Phật ba đời thành đạo một lúc. Chân không bình đẳng, mười sáu loại chúng sinh cùng vào Niết-bàn một ngày. Nên biết rằng Pháp thân rất to lớn, hư không tuy rộng nhưng khó bao được cái thể ấy, đó là cái vi diệu của chân tâm vậy. Dù cho quỷ thần cũng không đo lường được cái cơ máy của nó. Cùng khắp cả đời vị lai, khắp cả biển vi trần cũng chỉ là cái nháy mắt. Suốt từ xưa cho đến mãi mãi về sau, không có gì là không phải cái tổng trì này. Suốt từ trên trời đến khắp dưới đất, không có gì là không phải cái thống tắc (tam giới) này. Vì thế Nhị Tổ dạy rằng :“Trần đầy lồng lộng mà thành cái này đây, đời đời kiếp kiếp không thay đổi. Trời, đất có hư hại mà cái này không hư hại”. Cái này chính là cái chân ngã, cái này chính là chân như, cái này chính là chân thể, cái này chính

là chân không, cái này chính là thực tướng, cái này chính là đạo trường Bồ-đề, cái này chính là chân tịnh Niết-bàn, cái này chính là không dơ không sạch, cái này chính là không phải sắc, không phải không, cái này chính là cái Thánh trí tự giác, cái này chính là cái pháp luân vô thượng, cái này chính là cái diệu dụng và vô cùng khoái lạc của chư Phật, cái này chính là sạch phiền não, bản lai không tịch. Đó chính là tất cả nhân quả đều như mộng huyễn, đó chính là cái sinh diệt đã hết và tịch diệt là vui, đó chính là cái chân thể bất biến, bất hoại của kim cương, đó chính là cái nguyên thần bất sinh, bất diệt từ vô thủy, đó chính là cái không thể đo lường, không thể xưng gọi, không thể nghĩ bàn, công đức vô biên. Cái này chính là Pháp thân thanh tịnh, Báo thân viên mãn, ngàn vạn ức Hóa thân, chính là đức Phật Tỳ-lô-giá-na (71).

Chư vị học đạo ! Nếu chúng tử hiện hành chưa dứt, tập khí phiền não vẫn còn nồng nàn thì ngay mất sinh tình, tiếp xúc trần thế thành trầm trệ. Tuy hiểu được ý chỉ vô sinh mà sức mình chưa đủ thì không nên chấp rằng ta đã giác ngộ rồi. Tính phiền não vốn không, nếu phát tâm tu thì thành sai lạc. Tính phiền não tuy là không, nhưng nó có thể sinh thọ nghiệp. Nghiệp quả tuy vô tính nhưng nó có thể sinh ra nhân khổ. Sự thống khổ tuy hư vọng, nhưng quả thực khó cam chịu. Như gặp bệnh không, thể của bệnh hoàn toàn là không thì cần chi phải mời thầy thuốc và uống đủ các thứ thuốc ? Nên biết rằng



lời nói và việc làm trái nhau, nhưng giả hay thực có thể xét được. Hãy đo lường căn lực của mình chứ đừng tự dối. Nên suy xét phải trái, cần nhất là thực kỹ càng. Do đó bảo rằng vạn pháp đều do từ tâm, hết thảy đều ở nơi ta. Trong đã hư nát thì tốt lại ngoài cũng không thực. Trong đã đạt đến chỗ tinh tế thì ngoài không thể thô thiển. Tâm còn phàm thì bị ba độc trói buộc. Tâm mà thánh thì sáu thần thông (72) tự tại. Tâm đạt được không thì một đạo thanh tịnh, tâm mà có thì vạn cảnh thao túng. Như tiếng dội trong hang động, kêu to thì tiếng vang lớn. Như gương chiếu hình, hình gãy thì ảnh nghiêng. Nên bảo rằng muốn cho bên ngoài được an hòa, bên trong hãy làm cho được thanh tịnh. Tâm trống thì cảnh lặng. Niệm khởi lên thì các pháp sinh ra. Nước đục thì sóng dơ. Áo trong thì trắng hiện. Thiết yếu của việc tu hành cũng không ra ngoài điều này. Có thể bảo rằng : nắm được tâm mình thì lo gì không rõ được ?



## CHÚ THÍCH

(1) *Năm Kỷ Hợi* : 1719, triều vua Lê Dụ Tông, Vĩnh Thịnh năm thứ 15.

(2) *Tam nguyên* : Ba ngày rằm của tháng giêng, tháng bảy và tháng mười âm lịch.

(3) *Vĩnh Thịnh 16* : Lê Dụ Tông, Canh tý 1720, sau đổi là Bảo Thái nguyên niên.

(4) *Núi Tuyết* : Chỉ dãy núi Hymalaya (Hy-mã-lạp-son) ở phía bắc nước Ấn Độ, quanh năm tuyết phủ.

(5) *Ba thừa (tam thừa)* : Ba phương tiện tùy nghi thuyết pháp của đức Phật, ví như ba cỗ xe tùy theo căn cơ của chúng sinh mà sử dụng. Đó là :

— *Thanh văn thừa* : theo lời Phật dạy mà tu theo tứ đế, đắc quả A-la-hán, nhập Niết-bàn.

— *Duyên giác thừa* : tu theo lời Phật dạy, ngộ lý và diệt 12 nhân duyên sinh khổ, nhập Niết-bàn.

— *Bồ tát thừa* : tu theo lời Phật dạy, cầu thành Phật, thi hành lục độ, đưa toàn thể chúng sinh đến Niết-bàn.

(6) *Nhất thừa* : Tứ Phật thừa, cỗ xe độc nhất, bao gồm hết thấy pháp môn, theo đó tất cả chúng sinh đều sẽ thành Phật.

(7) *Đốn giác viên thành* : Sự giác ngộ đầy đủ ngay tức khắc, khác với sự chứng ngộ từ từ.

(8) *Đạt-ma* : tức Bodhidharma (460-528), là Tổ thứ 28 Thiên tông Ấn Độ và là Sơ tổ của Thiên tông Trung Hoa.

Con vua nước Hương Chí, phía nam Ấn Độ. Xuất gia từ nhỏ, được thầy là Bát-nhã-đa-la truyền tâm ấn. Năm 520, theo đường biển đến Quảng Châu (Trung Hoa). Vua Lương Võ Đế được tin thỉnh đến Kim Lăng thuyết pháp, Ngài nhận thấy chưa đủ cơ duyên nên đến ẩn cư ở chùa Thiếu Lâm, núi Tung Sơn. Sau chín năm thiền định quay mặt vào vách, Ngài truyền tâm ấn cho đệ tử là Huệ Khả với yếu chỉ thấy tánh thành Phật. Theo truyền thuyết Ngài trở về Ấn Độ và không biết tịch năm nào.

(9) *Thần Quang (486-593)*: tức Thiên sư Huệ Khả, Tổ thứ hai Thiên tông Trung Hoa, người Lạc Dương, tinh thông ngoại điển, sau nghiên cứu Phật giáo. Năm 21 tuổi đến chùa Thiếu Lâm xin yết kiến Đạt-ma tổ sư, tự chặt tay để tỏ lòng thành cầu đạo. Cuối cùng được ấn chứng và trao y bát kế vị Tổ sư.

(10) *Phổ Minh* : Chưa rõ gốc tích.

(11) *Mười hai phần giáo điển* : tức 12 loại kinh, chỉ toàn bộ cơ duyên và phương pháp giảng kinh của đức Phật, như ứng dụng, thọ ký, tự thuyết...

(12) *Lô Biễn* : tức Biễn Thước, đại danh y thời thượng cổ, người đất Lô (Trung Hoa) nên còn gọi là Lô y.

(13) *Di Lặc* : Còn gọi là A-dật-đa hay Từ Thị. Theo đức Phật Thích-ca thì đây là vị Phật kế tiếp Ngài, sẽ mở pháp hội Long Hoa để độ chúng sinh.

(14) *Tám lòng lão bà (lão bà tâm)* : Thuật ngữ của thiền

học để chỉ tấm lòng từ bi vô hạn của chư Phật, chư Tổ đối với chúng sinh như tấm lòng của bà già lo cho con cháu.

(15) *Bốn hàng đệ tử của Phật, hay còn gọi là tứ chúng* gồm có : tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, nam cư sĩ và nữ cư sĩ. Ở đây có lẽ chỉ vào hàng xuất gia là : tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, sa-di và sa-di ni.

(16) *Tập khí* : Thói quen đã huân tập từ nhiều đời kiếp, tất cả những cái đã xông ướp, thấm nhiễm vào người.

(17) *Pháp thân* : Thân chân thật của Phật, tức là pháp tính hay lý thể tuyệt đối.

(18) *Sắc uẩn, thọ uẩn* : Hai chi phần trong năm phần gồm thành cái gọi là Con người là : sắc (vật chất, hình tướng), thọ (sự cảm thọ), tưởng (sự nghĩ tưởng), hành (sự vận hành), và thức (sự nhận biết).

(19) *Tăng kỳ kiếp* : Tức a-tăng-kỳ thời gian của một vận kiếp vũ trụ, rất dài lâu không thể tính được.

(20) *Tổ cơ* : Tức cái mấu chốt do chư Tổ bày đặt ra để tùy căn cơ, trình độ mà dạy bảo.

(21) *Vượn tâm, ngựa ý* : Âm chỉ tâm ý điên đảo, phóng túng không định tĩnh của chúng sinh như loài vượn, loài ngựa.

(22) *Quy Sơn (771-853)* : Pháp danh Linh Hựu, Tổ dòng Quy Ngưỡng, đắc pháp với ngài Bách Trượng, mở pháp đường ở núi Đại Quy, tỉnh Hồ Bắc, nên thường được gọi là

Tổ Quy Sơn.

(23) *Giác Vương* : Tức là Phật, vị đã giác ngộ hoàn toàn.

(24) *Tứ ơn* : Bốn ơn lớn là ơn cha mẹ, ơn chúng sinh, ơn chính quyền và ơn tam bảo.

(25) *Ba cõi* : Cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Tất cả chúng sinh trong ba cõi này còn trong vòng luân hồi, sinh tử.

(26) *Phổ Hiền* : Vị đại Bồ-tát tượng trưng cho đại hạnh, phát mười nguyện lớn để tu hành và cứu độ chúng sinh.

(27) *Vĩnh Gia* : Tức Huyền Giác đại sư, người họ Đái ở Ôn Châu Trung Hoa, thuộc phái Thiên Thai sau đắc pháp với Tổ Huệ Năng.

(28) *Sách Trung Dung ghi* : “Hỷ nộ ai lạc, chi vị phát vị chi trung. Phát nhi giai trúng tiết, vị chi hòa”. Nghĩa là những mối tình như vui mừng, hờn giận đau thương, khoái lạc khi chưa phát sinh nơi tâm ta gọi là Trung. Khi nó phát sinh một cách phải thể thì gọi là Hòa.

(29) *Tám thức* : Duy thức tông chia cái biết ra làm tám bộ phận là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạng-na và a-lại-ya thức.

(30) *Sáu thức* : Cái biết của sáu cơ quan : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

(31) *Thức căn* : Các cơ quan hiểu biết là năm giác quan và ý.

(32) *Văn Thù* : Theo kinh điển Đại thừa, là một vị Bồ-tát

tượng trưng cho trí tuệ, thường tham dự các pháp hội của Phật để tham hỏi và tán thán giáo lý của Ngài.

(33) *Sáu trần* : 6 đối tượng cho sáu căn : sắc đối với mắt, tiếng đối với tai, mùi đối mũi, vị đối với lưỡi, xúc đối với thân và pháp (ý niệm về các sự vật) đối với ý.

(34) *Trực chỉ nhân tâm* : Nói đủ là “Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”, tức phương pháp chỉ thẳng vào tâm người ta để người ta thấy rõ tính chân thật mà giác ngộ. Đây là yếu chỉ của pháp môn Đốn ngộ do Sơ tổ Đạt-ma truyền dạy.

(35) *Tâm địa* : Cái mảnh đất tâm. Pháp môn tâm địa là phương pháp quán sát cái tâm, nơi sinh trưởng phiền não.

(36) *Tứ đại* : Theo quan niệm về vật chất luận của Ấn Độ thời cổ và được đức Phật đồng ý thì tứ đại là bốn thành tố chính tạo nên vật chất là đất, gió, nước và lửa.

(37) *Sáu đường* : 6 con đường luân hồi của tất cả chúng sinh hữu tình là : trời, a-tu-la, người, địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.

(38) *Ba cõi* : Là ba cảnh giới luân hồi của chúng sinh từ thấp đến cao là : Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

(39) *Năng sở* : Chủ thể và khách thể, cái tác động và cái bị tác động.

(40) *A-nan* : tức A-nan-đà một đại đệ tử của Phật Thích-ca. Tương truyền ngài là vị đệ nhất đa văn, tất cả kinh đức

Phật thuyết, Ngài A-nan đều thuộc lòng và đọc tụng lại trong kỳ kết tập đầu tiên sau khi đức Phật diệt độ.

(41) *Sát na* : Gốc chữ Phạn, chỉ một khoảng thời gian ngắn ngủi không tính được, ví như thời gian của một chớp mắt.

(42) *Bất khả đắc* : Không thể được, không thể nghĩ bàn. Chỉ cái thể tính chân như tuyệt đối không thể hiểu được, đạt đến trong hoàn cảnh mê tình.

(43) *Ba đường khổ* : Tức ba cảnh giới bị đọa lạc dưới cõi người là địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.

(44) *Kiến giải tương tự* : Cái thấy, cái quan niệm, về mặt ngôn ngữ thì có vẻ giống với những điều được ghi chép trong kinh điển, nhưng thực ra đó chỉ là hình thức chứ không phải chân thực.

(45) *Nhà lửa* : Kinh Pháp Hoa ví thế giới này như ngôi nhà đang cháy, chúng sinh nên gấp rút tránh khỏi.

(46) *Ngũ dục* : Năm thứ tham muốn ứng với năm giác quan là thích nhìn vẻ đẹp, thích nghe tiếng ngọt ngào nịnh hót, thích ngửi mùi thơm, thích ăn món ngon.

(47) *Chánh pháp nhãn tạng* : Kho chứa chánh pháp, trở chân lý tối hậu, tuyệt đối. Đây chỉ sự mật truyền ý chỉ kể từ đức Phật Thích-ca đến Tổ Ca-diếp và cứ thế chánh pháp được chư Tổ truyền thừa không thể tìm thấy qua kinh điển văn tự.

(48) *Căn, trần* : Căn là các cơ quan cảm giác và ý. Trần là



các đối tượng bên ngoài tương ứng với các cơ quan ấy.

(49) *Thể, dụng* : Thể là bản chất, dụng là sự thể hiện của bản chất ấy.

(50) *Cửa bát nhị* : Tức “bát nhị pháp môn” là phương pháp thu tập theo lý “không hai”. Không phân biệt không chia chẻ sự vật theo những phạm trù của thế gian như có và không, xấu với đẹp, thiện với ác...

(51) *Cõi chân như* : Cái chân lý thực thể, thực tính mà đời đời không thay đổi, đây chỉ cõi Phật.

(52) *Trí bát-nhã* : Trí tuệ rộng lớn, tuyệt đối, thành tựu được khi đã giác ngộ, khác với cái thức là sự hiểu biết, khi chưa giác ngộ.

(53) *Mặt mũi xưa nay* : Tức “bản lai diện mục”, chỉ cái thể tính trong lặng tuyệt đối từ vô thủy của con người nhưng vì bị vô minh, ái nghiệp... che mờ nên không thấy được nó.

(54) *Hàn Sơn* : Một thiền sư nổi tiếng đời Đường.

(55) *Mười lực* : là mười năng lực, trí tuệ của đức Phật gồm có : Tri thị xứ phi xứ, Tri tam thế nghiệp báo, Tri chư thiên giải thoát tam muội, Tri chúng sinh tâm tính, Tri chúng chúng giải, Tri chúng chúng giới, Tri nhưt thiết sở đạo, Tri thiên nhân vô ngại, Tri túc mạng vô lậu, Tri vĩnh đoạn tập khí.

(56) *Hai lực* : Tức lực thứ hai và ba. Xem 55.

(57) *Thượng hạnh* : Công hạnh, giới hạnh cao thượng của

người xuất gia.

(58) *Đề hồ* : Chất tinh của sữa, chỉ giáo lý của Phật có vị huyền diệu cứu khổ chúng sinh.

(59) *Hòa quang đồng trần* : Hòa cùng ánh sáng, chung với bụi bặm. Chỉ những bậc đã giải thoát, giác ngộ mà vẫn hòa hợp với trần tục.

(60) Lấy từ câu “vô vi, nhi vô bất vi” trong Đạo Đức Kinh của Lão Tử.

(61) *Tịnh Danh* : Tức cư sĩ Duy-ma-cật ở thành Tỳ-xá-ly. Thời Phật Thích-ca tại thế, ngài Duy-ma-cật nổi tiếng biện tài vô ngại, được các đại đệ tử của Phật rất kính trọng.

(62) *Bàng Lão* : Tức cư sĩ Bàng Uẩn, sống vào thời nhà Đường bên Trung Quốc, đạt được trình độ tu chứng rất cao, thường được tôn xưng là Duy-ma của Trung Quốc.

(63) *Nhan Hối, Tăng Sâm* : Hai vị cao đệ của Đức Khổng Tử, đoạn văn này chỉ quan niệm nhân sinh của hai vị chủ trương sống thanh thản, không ham danh lợi quyền quý, chỉ trau dồi đạo đức tâm linh.

(64) *Năm ám* : Xem chú thích (18).

(65) *Ba độc* : Tức ba căn bản bất thiện khiến chúng sinh bị luân hồi đau khổ là tham, sân, si.

(66) *Cửa kiện hóa* : Kiện hóa môn. Chưa rõ ý đích xác là gì. Kiện nghĩa là mạnh mẽ hóa nghĩa là biến hóa, hóa thành. Kiện còn là tên của loài cá chép (lý ngư hay kiện ngư). Có

thể cửa kiện hóa là tỏ sự biến hóa, siêu việt, như tích cá chép hóa rồng chẳng ? Hay kiện hóa là phiên âm từ Gandharva (Kiện đạt, càn thác bà), tên của một loài quỷ thần, biến hóa xảo diệu, tạo ra ảo cảnh, để ngâm trở cõi vô thường sinh tử ?

(67) *Bốn nú* : Âm chỉ bốn biến cố lớn của đời sống chúng sinh là sinh, già, bệnh, chết.

(68) *Năm sắc* : năm màu chính là xanh, vàng, đỏ, trắng và đen.

(69) *Nhut Lai tạng* : Chỗ ẩn chứa cái mầm mống Như Lai (Tathaga-garbha), cái thể tính rốt ráo viên mãn vốn có của chúng sinh.

(70) *Pháp vương thân* : Thân của vua pháp, tức thân của Phật hay Pháp thân (Dharmakàya) chỉ cái chân lý tuyệt đối.

(71) *Tỳ-lô-giá-na* : Tức là Đại Nhật Như Lai. Theo Mật tông, đây là vị Phật đại trí tuệ quán chiếu tất cả chúng sinh (như mặt trời soi sáng khắp nơi) để cứu độ.

(72) *Sáu thần thông* : là sáu khả năng vi diệu của bậc đạt ngộ, đó là : Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Túc mạng thông, Tha tâm thông, Thần túc thông và Lậu tận thông.

NGUYỄN TÁC HÁN NGỮ  
Thập Mục Ngữ đồ tụng luận giải  
(xin đọc ngược từ cuối sách)

終不實、內細外終不震、心允則三毒縈纏、心  
聖則六通自在、心空則一道清淨、心有則萬  
境縱橫、如谷應聲、語高而響大、似鏡鑑像、形  
曲而影斜、故曰欲外安和、但內寧靜、心虛境  
寂、念起法生、水濁波昏、潭清月現、修行之要、  
靡出於斯、可謂但自心何疑不辯者耳

牧牛圖頌論解卷下終

諸學道者，如或現行未斷，煩惱習氣又濃，寫  
目生情，觸塵成滯，雖了無生之旨，其力未克，  
不可執云我已悟了，煩惱性空，若起心修却  
為顛倒，然則煩惱性雖空，能令受業，業果無  
性，亦作苦因，苦痛雖虛，只麼難忍，如遭空病，  
病體全空，何求醫人，徧服藥餌，故知言行相  
違，虛寔可驗，但量力根，不可自講，察念防非，  
切宜仔細，故云萬法由心，一切在我，內虛外

這箇總是自覺聖智，這箇總是無上法輪，這  
這總是佛之妙用，快樂無量，這箇總是煩惱  
業淨，本來空寂，這箇總是一切因果皆如夢  
幻，這箇總是生滅之已寂滅為樂，這箇總是  
金剛不壞不壞之真體，這箇總是無始不生  
不滅之元神，這箇總是不可量不可稱，不可  
思議無邊功德，這箇總是清淨法身，圓滿報  
身，千百億化身，毘盧遮那佛。

莫測其機，窮未來際，為一晝夜，盡微塵海，為  
一刹那，前乎古而後乎今，無不是這箇總持，  
上乎天而下乎地，無不是這箇克塞，故二祖  
云，輪圖之圖，圖成這箇，世之生之，不變遷，天地  
有壞，這箇不壞，這箇總是真我，這箇總是真  
如，這箇總是真體，這箇總是真空，這箇總是真  
寔相，這箇總是真菩提道場，這箇總是真涅槃真  
淨，這箇總是不垢不淨，這箇總是非色非空。



續經無窮時，金性不壞，原此金性，人亦亦有，  
個之不無，以至十方衆生，皆有金剛佛性，而  
天地萬物，咸同我如來之法身耳，如學人修  
成，到此地位，方知天地與我同根，萬物與我  
一體，遍法界是箇如來藏，盡大地是箇法王  
身，實際無差，與三世佛而一時成道，真空平  
等，十六類生而同日涅槃，當知法身其大也，  
虛空雖廣，難包其體，故真心其妙也，鬼神亦

之功滿德隆、直超圓頓、淨光普照、與佛無殊、  
然自性清淨、便是無垢佛、自性如、便是自  
在佛、自性不昧、便是光明佛、自性堅固、便是  
不壞佛、一切諸佛法身俱有、說不能盡、惟一  
真性尔、性即是心、心即是佛、如舊佛新成、亦  
無二体、諸佛如已成像之金仙、衆生如未成  
像之金鑛、如成與未成、各分前後、則金體始  
終更無差別、故圓覺經云、既已成金、不復為

越織毫、不曾移、易絲髮、明々古路、不屬玄微、  
覲面擊來、瞥然便過、居不正位、豈落邪途、不  
趨大方、那陷小徑、回首不逢、觸目不對、一念  
普觀、廓然空寂、此之宗要、千聖不傳、直下了  
知、當處超越、湏知法身無相、不可以音聲求、  
妙道無言、不可以文字會、縱使超佛越祖、猶  
落階樓、直饒說妙談玄、終掛唇脣耳。  
此圓相者、乃最上一乘之妙道、智士可以行

不落階級、而刹那能所雙泯、則圖成滯貨、頌  
成剩語、豈况直說直論者哉、若使此輩覽之、  
當發一笑、尔據寔而論、語也不得、默也不得、  
直饒語默兩忘、亦沒交涉、何故此古佛光明、  
先德風彩、一一從無欲無依中發現、或孤峻  
峭拔、竟不可攀、或含融混合了、竟無所觀、終  
不棲定一處、亦不繫係兩頭、無是無不是、無  
非無不非、得亦無所得、失亦無所失、不曾隔

生發之根源也、故學人工夫到此極則地位、  
一得永得、一證永證、故謂之心空及第、見徹  
父母未生前面目、到此大安樂地、做此一箇  
無為無事、乃出格真道人也、故云一生參學  
事畢者也、此隻泯四句頌、意緊如此、後進者  
當知

總論圓覺寂光之相、真空妙有之體

夫一超直入之士、無勞鞭撻、而天然露地白牛、

境界不聖不凡也難可見祇在目前山高海  
潤栢短松長野花芳草柳綠桃紅鶯吟鶴唳  
等以此而推森羅萬象觸目遇緣器界山河  
皆同一體盡非他物

如圭峯和尚謂冲虚妙粹炳煥灵明無去無  
來冥通三際非中非外洞徹十方不滅不生  
豈四山之可害離性離相兮五色之能盲故  
此體是一切衆生本有之佛性乃一切世界

寂滅性中、不在語言詮辨、直須親證始得、不  
可以情測度、故曰其中端的意、古人謂雲散  
水流去、寂然天地空、故云野花芳草自叢生、  
論云、此乃圓覺境界、冥合真體一味空寂、此箇  
消息、設使千聖出興、又具無礙辨才也、說不  
及、放一線道、且向建化門中、畧憑話會、強而  
言之、此是文殊普賢大人境界、一切衆生、雖  
在其中而不自知、諸小乘人、不能趣向、此之

普明禪師頌雙泚第十 句解云

人牛不見杳無踪 心法雙忘雙泚

明月光含萬象空 靈明絕待照體無依

若問其中端的意 此端的意同道方知

野花芳草自叢々 證入不思議境界

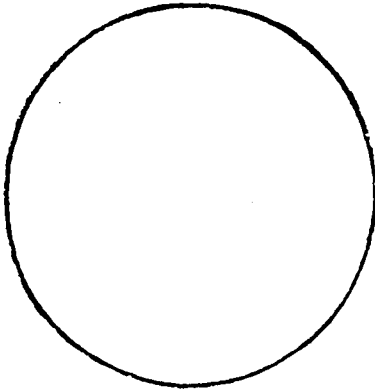
又別解云

了五陰三毒故曰人牛不見杳無踪、人牛俱不見、正是月明時、故云明月光含萬象空、此



○還我本來真面目

難  
名  
難  
狀



○未生身處一輪明

佛經頌云

諸佛似一大圓鏡  
我身猶若摩尼珠  
諸佛法身入我體  
我身常入諸佛軀

之樂亦如孔門顏回陋巷之樂不改曾參舞  
雩咏而歸咸佩此真空無生之樂古人謂是  
男是女總堪修若智若愚皆有分但能迴光  
返照方知本體原無故云皎顯清塵靈臺煥  
然有鏡明眸了翳迴漢晴尔無花此獨照四  
句頌意緊如此

普明禪師頌獨照第九

句解云

牛兒無處牧童間

離依他執證法空智

一片孤雲碧嶂間

細惑已盡精妙未圓

拍手高歌明月下

始得家鄉寔信還在生死呀頭

歸來猶有一重關

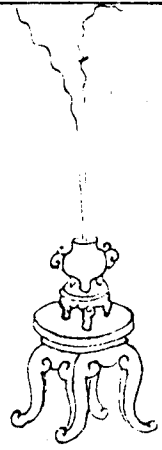
生死向上事須知更在青山外

論云、此乃心空獨照、不礙於道、亦如幻人木馬、

情識皆空、方能垂手入廬、轉身異類者、須知

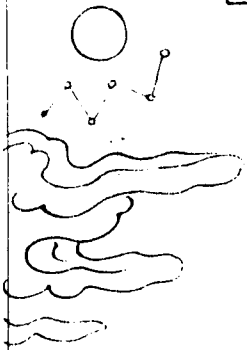
此樂、非忘念迂注情識之樂、乃是真淨無為

覺天晃露



覺塵勞而昨夢弊禎得珠

獨照



且真如之性、湛然不動、爾古偈云、祇此見聞  
非見聞、無餘聲色、可呈君、箇中若了全無事  
體用何妨、分不分、此相忘、四句頌、意緊如此、  
五祖云、一佛二佛千佛萬佛、總是自己無別  
物、昔年親種善根來、今日依然得渠力、  
荷澤禪師云、本來面目是真如、舍利光中認  
得渠、萬劫迷頭、今始悟、方知自性即文殊、

南北不分、不見有一法可當情、如箇無孔鐵  
鎚相似、能疑所疑、內心外境、隻忘隻照、無、  
亦無、到這裡、拳足下足處、切忌踏翻大海、踢  
倒須彌、折旋俯仰時、照顧、觸瞎達磨眼睛、  
磕破釋迦鼻孔、如此拳動、施為不出菩提之  
林、長處芒藏之海、晃々而無塵不透、朝々而  
遊日騰輝、豈勞妙辨以宣揚、何假神通而顯  
示、若如此行住坐卧、觸目遇緣、雖應用千差、

普明禪師頌相忘第八

句解云

白牛常在白雲中

境智冥合一味空寂

人自無心牛亦同

境智俱寂心慮安然

月透白雲之影白

空寂中內隱靈明  
灵明中內含空寂

白雲明月在兩東

色空照体本同年

論云、如古人謂翠竹黃花非外境、白雲明月露

全身、此乃還源之要道、或工夫到此田地、愈

加精進、直教行不知行、坐不知坐、東西不辨

大休大歇



相忘





而不來、諸侯請而不赴、內息意外忘緣、而專  
精至道者、如永嘉云、身貧道不貧、貧則身常  
被縲縶、道則心藏無價珍。即與釋迦彌勒淨  
名龐老、不增不減、無二無別、同一眼觀、同一  
耳聞、同一受用、同一出沒、天堂地獄、任意消  
遙、虎穴魔宮、縱橫無礙、騰々任運、任運騰々、  
古吟一絕云、字內為閑客、人中作野僧、任從  
他笑我、任運自騰々、此任運頌、意緊如此

普明禪師頌仁運第七 句解云

柳岬春波寂照中 繁花喧鬧處日用常不迷

淡烟芳草綠茸茸 景色青幽處隨流誌得性

饑飡渴飲隨時過 隨緣消舊業更不造新殃

石上山童睡正濃 仁運著衣裳但順天真尔

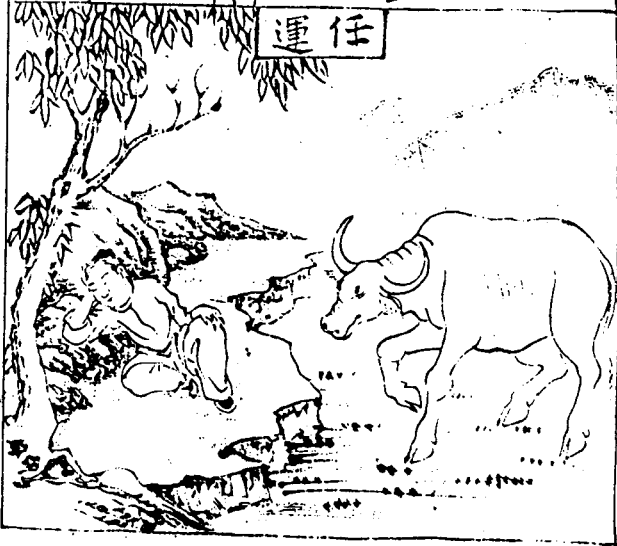
論云、如無業和尚謂、古人得意之後、茅茨石屋、  
向、折脚鑿中煮飯吃、過二三十年、名利不干、  
懷財寶不為念、大忘人世、深跡炭叢、君王命

泉石自娛



照窮心端推實著

任運



泊尔而来，恬淡無為而無不為，此聖人垂手  
為人，周迴五趣，接化眾生，雖往來而無往來  
之相也。如佛果之渾厚端莊，妙嬉之條達浩  
澹，高峯之簡煉精嚴，幻住之詳明璀璨，故曰  
幽閑雖啟，聖應不同，非本無以垂跡，非跡無  
以顯本，本跡雖殊而不思護一也。此四句無  
礙頌，意緊如此。

普明禪師頌無礙第六 句解云

露地安眠意自如 任意浮沉隨緣放曠

不勞鞭策永無拘 無散誕奢甚無拘束小節

山童穩坐青松下 寬性寬恢任山林任城市

一曲昇平樂有餘 沒知音者閑雅只自知

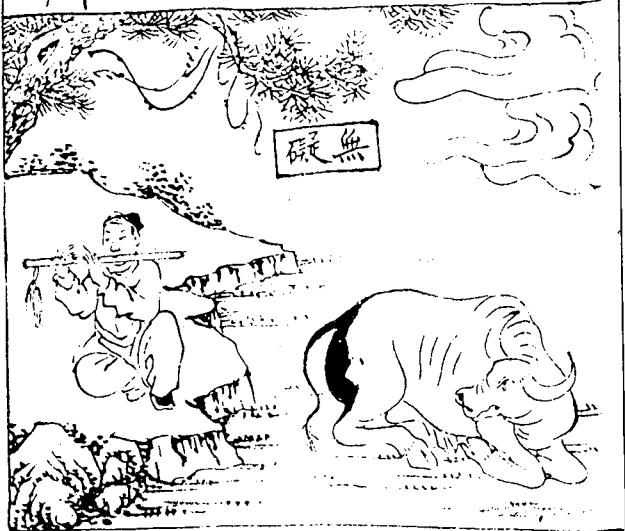
論云、如三祖謂、不逐有緣、勿住空恣、一種平恢、泯然自盡、故肇論云、是以聖人慮有不有、居無不無、所以和光同塵、周旋五趣、寂然而往、

和光同塵

內正念  
坐持外  
不規小  
節



無礙



不墜、蓋是精進純熟之功、決非神力所致、凡  
學做用功、亦復如是、當知工夫純熟、底人、千  
里輿來、驚不起、萬般魔境、不回頭、何也、此乃  
有切心中事、此馴伏頌、意緊如此、  
劔南和尚云、自這識得此明珠、釋梵輪王俱  
不要

普明禪師頌馴伏第五句解云

綠楊陰下古溪邊 繁花喧鬧景色清幽處

放去收來得自然 不為物累到處如然

日暮碧雲芳草地 目前千差心間一境

牧童歸去不須牽 散心已止隨順定門

論云、如高峯和尚謂此馴伏一法、譬如善射人、

仰箭射空、復以後箭射前箭筈、々々相承、箭

箭中筈、首尾相資、上下貫串、住於空中、經久

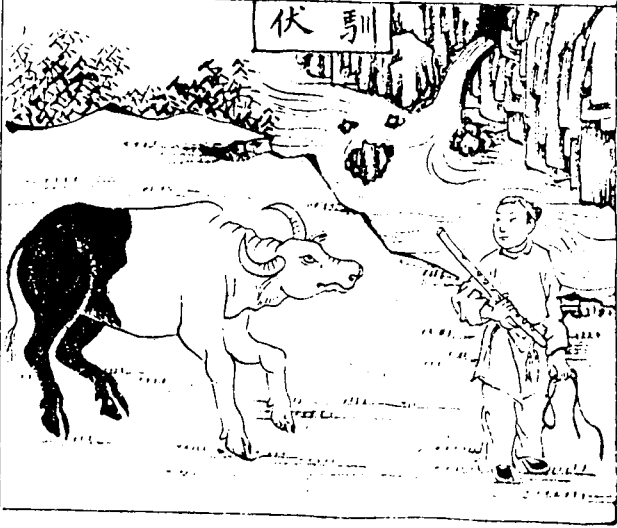


第四輕安

純亦不已之又久銳究精參



馴伏



須教渠淨除現業流識尔、然洗心滌慮吐故  
納新、穿上行之妙衣、嚼醍醐之玄味、乃尔大  
道要時、修時證、塵緣則日損、日消、故李文和  
頌云、學道須是鐵漢、手把心頭、便判直超、無  
上菩提、一切是非、莫管、此迴頭四句頌、意槩  
如此

龍牙才和尚頌云、學道如鑽火、逢烟未可休、

晉明禪師頌迴首第四

句解云

日久功深始轉頭

久之用功漸淳

顛狂心力漸調柔

昏散二魔漸伏

山童未肯全相許

答

工夫到此愈加精進

猶把芒繩且繫留

潛鞭密練無可少怠

論云、如經謂理須頓悟、乘悟併消、事非頓除、今次第盡、故為山云、雖得一念頓悟自心、猶有無始習氣、未能頓盡、必須精勤、方能除遣、且



人也、我何人也、而我無宿種乎、夫凡行人、須  
高尚其志、決烈其心、以出世為本懷、以明心  
為究竟、朝而研、暮而思、無時而解息、然後不  
覺不知、瞥尔悟入、故云焉有天生稱、勤地漏  
釋迦、不求而自至、無為而自成、此受制四句  
頌、意緊如此

晉明禪師頌受制第三

句解云

漸調漸伏息奔馳

如痴似兀動靜體安然

渡水穿雲步步隨

造次弗離久習方成性

手把芒繩無少緩

可決志自加精進一步

牧童終日自忘疲

奮不顧身專精至道者

論云、如涌泉和尚謂我四十年在這裡尚自有

時走作、曇晦和尚曰、此事極不容易、須生慚

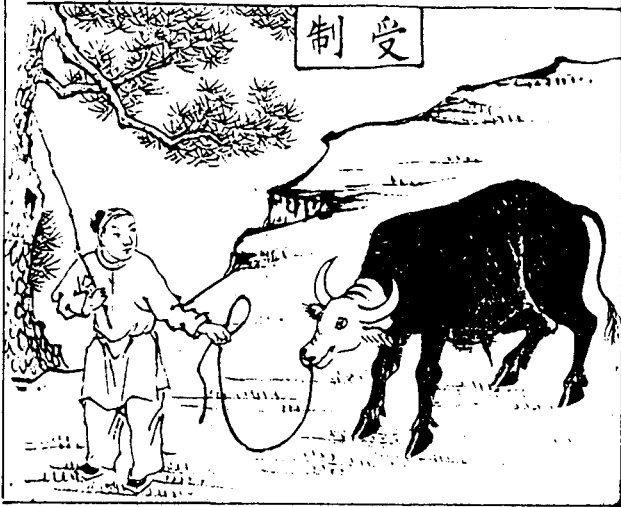
愧始深、慚愧者慙於良朋、愧於道友、曰彼何

第二靜慮

廢寢忘食難能為力



受制



得淨豈不見佛十力中二力最大、因業力故  
入生死、又因定力故出生死、此初調四句  
頌、意槩如此



普明禪師頌初詞第二 句解云

我有芒繩，驀鼻穿。律身行已，刻々不差。

一回奔競，痛加鞭。怠惰情生時，痛劄。

從來劣性，難調制。初機挾劣，昏散難拘。

猶得山童，盡力牽。發心立志，下苦用功。

論云：譬如大摩尼寶，體性明淨，而有鑛穢之垢。

若人雖念寶性，不以方便種々磨治，終無得

淨，亦如真如之法，不以種々方便勲習，亦無

初靜慮

傾衷篤臆下苦用功



初調



處一方有自恃陵他，故云生獍頭角，又能開  
大口說大話，出言無度，故云恣咆哮，又復攀  
緣塵境，道學生疎，不能返照，故云奔走溪山  
路轉遙，又無慧觀，無慚無愧，邪見是非，故云  
一片黑雲橫谷口，反不知籌量，內無克念，口  
出非言，不涉經律，人之亦尔，個个皆然，故云  
誰知如斯為是，無益道心，并傷定德，無進道  
嚴身，要三常克足，故云步步犯佳苗。



僧俗散心間講話言語羅多

別句解云

失戒律情存粗糙

逐聲利不能返省

無明暗覆昧却真心

攀心動念即乖法度

論云故雖年高而無戒

德空覆高心不肯親

附良朋惟知倨傲獨

於黑業、造作種々深懃、若出家人、則不然、再  
故寒山詩云、上人心猛利、一聞便知妙、中流  
心清淨、審思云甚要、下士鈍暗痴、頑皮最難  
裂、直待血淋頭、始知自摧滅、看取開眼賊、鬧  
市集人決、屍死棄如塵、此時向誰說、男兒大  
丈夫、一刀兩段截、人面禽獸心、造作何時歇、  
此其先聖激勵如此、有智者記之

律上不畏天條、下不信地獄、暗不怕鬼神、明  
不惧王法、惟以恃強陵弱、故云生獍頭角而  
又誇弄英雄、頑痴之暴、故云恣咆哮、又復結  
黨作惡、遂隊成群、犇波塵境、業識茫茫、故云  
犇走溪山路轉遙、只因無明障蔽心田、故云  
一片黑雲橫谷口、因貪起嗔、因嗔起痴、造種  
種罪、不顧傷他、故云誰知、而又耽荒五欲、故  
云步步犯佳苗、以上句解等言、此乃世間膠

未收有總別二意、總者一切貴賤曰總、別者

有在家出曰家別

普明禪師頌未收第一 總句解

生獐頭角恣咆哮 強獍頑愚而能誇弄

奔走溪山路轉遙 犇逐塵境不肯回頭

一片黑雲橫谷口 無明覆心顛倒重障

誰知步步犯佳苗 攀心動念即乖法度

論云、乃一切愚頑強獍之徒、情同猿馬、不規法

寬懷遊翫飲酒



未收





汚故為黑色

問云何牛後頓白曰此乃天然露地白牛之  
真色

問云何先亡牛曰此乃五根既返元故為先  
亡牛

問云何人牛俱不見曰此乃聖凡情盡五蘊  
皆無久後般若智圓心境雙亡故為人牛不見  
問云何圓相出現曰還我本來真面目也

立然後用行、古德云、心本空境本寂、約體之理、則差而無差、就用之功、則不別而別、一二無礙、方入不二之門、體用不乖、始蹈真如之境、是上圖為體、下圖為用也。

問云何嘉苗、曰此乃塵中五欲、故為嘉苗。

問云何芒繩、曰此乃戒律堅持、故為芒繩。

問云何鞭策、曰此乃志氣堅剛、故為鞭策。

問云何牛兒初黑、曰此乃久耽塵境五欲、染。

非于色、聞聲、不是聲、香臭不分、甘苦不別、麤  
細一體、而成自然之智矣、是謂六識為收人  
也

問云何以五識為牛、曰此五識各司其用、各  
依其體、祇因內之根外之塵、相偶而生焉、故  
罪業所由起也、正如學人能轉識為智、乃成  
所作之功矣、是謂五識為牛兒

問有甚麼見識圖、上更加圖、曰用從體起、體

逃物外之禪、金鎖頓開、無論自他解脫、疑團  
既剖、何須彼此籌量、故云雖源無二路、方便  
有多門、蓋此圖乃直指之圖、本為初機中下  
之設、但大乘根器利智之流、不在此話也

論云、教中謂祇因境風吹動、致令起湧波、波  
水雖殊、其性一也、然水能載舟、波能覆舟也  
且此圖故以六識為牧、五識為牛

問云何牧、曰正如學人能轉則妙觀察、見色

蓋祖道隨宜，再順世而終寂，敢不捨慈懷，迨  
至于斯，孰能忌矣。且正法眼藏，乃佛祖之所  
彰傳，大甘露門，寔學人之所期向。廓修尔觀，  
孰謂超凡入聖，泯然無跡。本來徹地通天，我  
佛之旨，難測難思。自性之功，全終全始。如垢  
心不歇，卽菩提。垢淨心明，本來是佛也。  
蓋佛祖隨宜設教，且前俯後進，輩各受其賜  
焉。然率性修身，以達寰中<sup>聖</sup>之道，樂天知命，每

牧牛圖頌論解卷下

越南畿內 比丘廣智法聰論解

將解此牧牛圖頌故設問答例此以明之

欽聞祖道初興妙菩提分新兩土真風特露法  
達磨首創于東仰惟祖道西來密示單傳之  
旨靈機頓扣元空無聖之心折蘆勁渡九年  
面壁功高隻履還歸千載道隆永遠恩霑溥  
洽禪林克荷滋培慧鏡高懸學地彌新覺照

不植臭草，無益賞心，徒增厭惡耳。故永明和尚云：身居苦海中，賴有鉢羅漢，苦海既出離，捨筏登彼岸。故云：若人內懷聖胎者，則發言殊異，果敢故，無猶豫之辭是也。如或有人閱過此論者，以僕言為當，速須改悔，生大慚愧，發大勇猛，自肯承當。今生不了，更待何時？故云：從凡入聖，未有不修而得者。若欲明本分上事，今生取辨者，當看下文，直解十頌，詳其始末也。

故、三智慧廣大友、能出迷津故、四總持文字  
友、能決疑難故、五寂寞枯槁友、能恬進取故、  
六謙卑忍辱友、能消我慢故、七直心忠告友、  
能抑諸過故、八勇猛精進友、能成道果故、九  
輕財好施友、能破大慳故、十仁慈覆物友、能  
摧人我等執故、若無如是淨侶、即當屏人獨  
處、自辦道業、以佛像為師、以輕論為侶、其餘  
他嬉戲之後、寧絕勿通、如公園中、雖無桂花、



輕視戒律處，一一皆當遠離故，何則是等撓道與魔何異，如此離遠諸處，一切道業即當成辦故，又有古云，一切悟機，非友不發，一切惡法，非友不止，如儒云，以文會友，以友輔仁之意者，譬如風性雖空，由栴檀林吹香而來，風有妙香，或經糞穢而來，其風便臭，友亦如是，是以行道求友者，當嚴別淨穢，一山林間適友，能止燥心故，二嚴持戒律友，能淡<sub>五</sub>五欲

焉，吾未如之何也。已矣。古云：把手牽他行，不  
得惟人自肯，乃相應。故為山啟發云：伏望興  
決列之志，開持達之懷，拳措看他上流，莫檀  
隨於庸鄙。今生便須決斷，想料不由別人。或  
繁花喧鬧處、當遠、或歌樓酒肆處、或恩美熟  
遊歷處、或詩壇壇文社社鬪章摘句處、或譏刺古  
今較長競短處、或講無義味道學處、或義解  
家鬪名相矜小智處、或宗乘狂解妄譚頓悟、

蘇子瞻道學如胡康侯張子韶等皆列于傳  
燈凡如此輩者便未云一切無礙况於今時  
狂解之人滯名執相即是有漏凡夫若撥果  
排因即是空見外道也又或自己障深慧淺  
師授不明邪入骨髓而喪其真或戒法荒疎  
綱常紊亂而犯其禁或教理未彰謬譚非美  
而落外道或行願不修迷入邪徑而墮魔著  
嗚呼欲人之無惑者難矣吾雖不敏而寔悲

却增是惡取邪空、非善達法體、况今代悟門  
一脉、雖云不絕、而中國禪學之士、如稻蔴竹  
藁、於妙悟者、見地幾人、如云前代唐宋以來、  
有二三在家居士、路途端直、可以流通此法、  
然既為居士、不同沙門釋子、猶有戒律縛身、  
方寘身于火宅之中、浸心于煩惱之海、雖于  
營幹世事、或內依稀、得一入門、而道力甚淺、  
或有文翰手筆、風流艷冶、如黃魯直白樂天

劫證自然足救頭、重寔而不重虛、貴行而不  
貴說、涉有而不住有、行空而不著空、從小善  
而積殊功、仗微因而成大果、况又今時之人、  
無明煩惱熾然不斷、欲以相似見解消其惡  
業、冀出三塗、無有是處、向使此等之人、不得  
以少為足、常以如說修行、終不騁口頭禪客  
尔、若以相似見解圖為快口者、如蟲食木偶  
得成衣、似鳥言空、全無其旨、煩惱不滅、我慢

我是覺了解悟之人、業不能係、夫謂業不能係、非謂有而不有、正以無而自無、生既隨境即動、况死安得不隨業受生乎、故云眼前一念瞋相、即是怪蟒之形、眼前一念貪相、即是餓鬼之種、無形之因念甚小、有形之果報甚大、一念之微識、田持之、歷千萬劫終不遺失矣、故古德云、前賢往哲、志大心淳、究理而時刻不忘、潛行而神灵莫測、曉夕如臨、深履薄、

道人不宜行俗習之事，如此之習，稱為博學  
佛果鄙而不修，片善豈宗而當作，使後生小  
子專逞聰明，惟尋見解，終有所知，即為一超  
直入，更復何言，輕狂傲慢，貢高恣睢，口無擇  
言，身無擇伴，不念世間情欲，無涯隄之尚溢，  
如何以圓活之語，大破因果之門，自誤人，  
安免淪墜，若不為魔所攝，定當永墮三途，乃  
山廁樹報其前因，披毛帶角酬其後果，莫云

說非、甚至以火性為氣魄、以我慢為承當、以謫詐為機用、以妄語為方便、以致肆為遊戲、以穢言為解粘、讚嘆破律無功、行之人、侮弄繩趨、有寔步之士、偏顛理路、故窮玄極妙、莫之跂跡、盡刻行門、故從意任心、無復規矩、口言念佛、誦經禮拜、為小乘執相、令人修習、已乃寔然、或經年不拜一佛、經年一禮不懺、經年不轉一經、反有世間不必有外記之書、行



相似之解，即愕然云：馳求已歇，我是無事道人，識得煩惱如幻，則肆情以恣煩惱，識得修行本空，執任意以壞修行，謂檀本空，反捨檀而取慳，謂恣本空，反所情而真恣，補或言戒則曰：本無持犯，何必重持而輕犯，或言禪則曰：本無定亂，何必捨亂而取定，聽情順意，蹈有譚空，且道愛憎毀譽之火，終觸之而即高，生老病死之風，贊微吹之而已動，爭人爭我，說是

堂再作魯公、隋因之後、隨緣流轉、故云道有  
消而無長、業有加而無減、或般若緣深、不落  
三途、而出房入房、亦大辛苦、况今時末法  
之人、根器亦<sup>多</sup>下劣、因苦出家、發心既不真、  
工夫又不純、一偶于佛祖機鋒、知識言語、或  
悟得本來成佛處、當下即是處、意識行不到、  
語言說不及處、一切不可得、即不可得、亦不  
可得處、將古人語句和會、無不相似、既得此

穢滅、悟者常須覺觀、迷者勤加折伏、其或愛  
鎖貪枷、亦當慟年惜月、故孔子云、困而不學  
民斯為下矣、一切賢聖、稱心而行、法性無邊、  
行海叵量、是故或一刹那中、行滿三祇、或恆  
河沙劫、未成一念、皆因人有賢愚、根有利鈍、  
悟有遲疾耳、或已悟入、休歇太早、智不入微、  
道難勝習、一念不盡、即是生死之根、業風所  
牽、復入胞胎、後有、如五祖戒後身、東坡、青草

始勤而中輟、悅於須臾、厭於時久、欲望與諸  
祖同儔、不亦狂矣、此初調一法、畧敝數言、留  
為同志者鑑、庶不落空邪見、法門幸甚、某亦  
幸甚、惟其調收一章、大槩如此、學者當知之、  
說竟

初調直論

夫積劫情塵、多生愛海、似飴飴之刈苔花、若吞珠  
之泥繡、無礪不吐、去垢方明、欲得心淨、除非

終不出此心、若離此心別無玄妙矣、然後  
雖有次第工夫、不過是成就這箇而已、以上  
等語、是修行之方法、成仙證聖之要術、入道  
入德之圓門也、昔阿難多聞絕持、積歲不登  
聖果、息緣返照、暫時即證無生、吳澄注蓋凡夫之心、  
終日趣外、逾遠逾背者、寤夫學道之士、不患  
不成、惟患不勤、苟能專精而勤、未有參而不  
悟也、設使立志不堅、信道不篤、朝為而夕改、

未能盡心、安能知性、未能明心、安能見性者  
也、故知明心是生死海中之智楫、見性是煩  
惱病中之良醫、如得明心見性之後、時以境  
界淨治自心、時以精進堅固自心、時以忍辱  
坦蕩自心、時以覺照潔白自心、時以智慧明  
利自心、時以佛知見開發自心、時以佛平等  
廣大自心、若明此心、則頓超生死、而圓證涅  
槃、若昧此心、則永劫輪迴、而遺失真性、故始

出續終不更染塵泥、似木既灰、豈有再生枝  
葉、一得永得、盡未來際、永脫攀籠、長居聖域  
者矣、然此最上一乘大道、若根器利者、一超  
直入如來地、若根器鈍者、將如之何必由下  
學而上達的工夫、漸次引入法門可也、使之  
行一步自有一步效驗、升一級自有一級規  
模、亦是行遠自迤、登高自卑之意、若不知入  
門下手做工夫、安能遽到了手極則地位、若

流轉、寓目生情、取捨萬端、無時暫暇、致使起  
惑造業、循環六道、不能得出、究竟境、冥初皆一  
妄迷真之咎耳、故知三界唯心、迷人心外求  
法、至人見境是心、境即是心之境、心即是境  
之心、對境不迷、逢緣不動、能所互成、一體無  
異、若能達境唯心、便是悟心成道、覺盡無始  
妄念、攝境歸心、出纏真如、離垢解脫、永合清  
淨本然、則不更生、山河大地、諸有為相、如金



開了然見性、此所謂皮膚剝落盡、一真將次見矣、工夫至此、自然精神朗發、智慧聰明、心性靈通、廣大自在、是知一切諸聖、皆從此心地法門方便而入、得成為佛為祖、為人天師、凡夫不能證者、由不識自心、故佛經云、一切衆生從曠劫來、迷倒本心、不自覺悟、妄認四大為身、緣慮為心、譬如百千大海、不認但認一小浮漚耳、以此迷之復迷、妄中復妄、隨境

念既消、自六識而下、莫不皆消、即文殊所謂  
一根既返元、六根成解脫、既無六根、則無六  
塵、既無六塵、則無六識、既無六識、則無輪迴  
種子、既無輪迴種子、則我一點真心、獨立無  
依、空々蕩々、光々淨々、而萬劫常存、永不生  
滅矣、此法直指人心、千了萬當、何等直截、何  
等簡易、但能培養本源、觀照此牛、久則油然<sub>淨</sub>  
心空、浩然凝定、寂然不動、靜然無思、豁然心

是樞機、目為盜賊、欲伏其心、先搆其目、蓋弩  
之發動在機、心之緣引在目、機不動則弩任、  
目不動則心任、當知妄念起於識根、聞境成  
妄、非寔有體、在衆生時、智劣識強、但名為識、  
當佛地時、智強識劣、但名為智、祇轉其名、不  
轉其體、初一心源廓然湛寂、由知見立知、妄  
塵生起、故有妄念、若知見無見、斯即涅槃、則  
智性真淨、復還妙湛、洞徹精了、而意念消、意

之奔逸，互常要逆聽此牛之溥縱，至若運用  
施為，念之，不離此牛，以至行住坐卧，心之常  
在此牛，不可刹那忘照，率尔相違，神光一出，  
便收來，遣次弗離，常在此管照，如子思所謂，  
不可須臾離也是矣，又先存之以虛其心，次  
忘之以廓其量，隨處隨時，無礙自在尔，然學  
人只要逆除六識，尤在知所先後，意雖為六  
識之主帥，眼寔為五賊之先鋒，故先德云，心

之則先死，始悟之則輪迴息，欲息輪迴，莫若  
體乎至道，欲體至道，莫若觀照本心，欲照本  
心，應須普眼虛鑑，常教朗月輝明，每向定中  
慧照時，保得此七情未發之中，時，全得  
此八識未染之體，外息諸緣，內絕諸妄，含眼  
光凝耳韻，調鼻息，緘舌氣，四肢不動，使眼耳  
鼻舌身之五識，各返其根，則精神魂魄意之  
五靈，各安其位，二六時中，眼常要內觀此牛

為子而不覺，是以世尊教人，先斷無始輪迴  
根本者也。此根既斷，則諸識無依，復我元初  
常明本體。然而大道茫茫，當從處下手。是知  
齊襟必拳頤，整網要提綱。昔祖師門下，指出  
修行正路一條，教人打從源頭做起。若源頭  
潔淨，天理時時現前，識念自然，污染不得。譬  
如杲日當空，網網滅跡。此一心地法門，是古  
今千聖不易之道。故背之則凡，順之則聖。迷

識形中妄心名之曰識心本無知由識故知  
性本無生由識故生生身種子萌蘖於斯開  
有漏花結生死果令人妄認方寸中有箇昭  
昭靈々之物渾然與物同體便以為元神在  
是殊不知此即死々生々之識神却又輪迴  
之種子尔故景岑和尚云學道之人不悟真  
祇為從前認識神無量劫來生死本痴人喚  
作本來人嗟夫世人以奴為主而不知認賊

初調直說

此初調一則，乃僧家之本分，不干世俗之事。據永嘉集云：夫欲修道，先須立志。又明慕道志儀，事師儀則，彰明軌訓，次除去憍奢意，以息妄心，擾動次淨三業，仔細檢責，戒身口意，令麤過不生，方能調伏身心耳。

原夫真心無妄，智性本明，妙湛元精，由妄翳起，俄然晦昧，失彼元精，粘湛發知，故轉智為



佛祖之深心、備彰經論之大意、希悛舊執、庶  
改前非、同躋先聖之遺蹤、共稟覺王之慈勅、  
無虧本志、免負四恩、齊登解脫之門、共入寔  
行之徑、成諸佛業、滿大菩提、塞邪徑而闢正  
途、堅信根而拔執刺、越三有之苦津、入普賢  
之願海、渡法界之飄蕩、進涅槃之大城、仰惟  
佛眼、證此微誠、普為時人、敬引茲集、尔

所以道學日鄙、勲修日廢、法門日墜、凡此之流、故不肯收也。

以上十種之人、雖云出家、而無絕塵之行、徒為男子之身、而無丈夫之志、故祖為山云、可惜一生空過、觸事面墻耳、但以終朝擾之、竟夜昏之、墮無知坑、坐黑暗獄、不達卽事卽理之旨、空念破病破執之言、智者深嗟、愚人做效、旣成途轍、頓奪尤難者、是故廣引。

深、鴟鵂夜撮蚤、察秋毫、晝出瞑目之不見丘  
山、蓋分定也、如此之人、為自足計、故無遠謀  
生、既無益於時、死亦無聞於後、凡此之流、故  
不肯收也

十者、骹擲、樗蒲、群會、屯聚、情而不收、何則、祇  
希目前之小利、懷苟且之計謀、又云、求道之  
迂濶、不若求利之切當、由是競習浮花、計較  
毫末、是以莫肯為周歲規之、况生死之慮乎、  
計

智不足、識見不明、而若是耶、佛智裕和尚曰、  
駿馬之奔逸、而不敢肆足者、啣轡之禦也、意  
識之流浪、而不敢攀緣者、覺照之力也、嗚呼、  
以佛法作人情、寔搖尾乞憐者、是無覺照耳、  
此等之人、故不肯收也、  
九者聾、驥、懶、惰、偷、安、而、不、肯、收、何、則、祇、因、自  
負、自、棄、而、然、故、先、德、云、人、之、才、器、自、有、大、小、  
成、不、可、教、故、曰、楮、小、不、可、懷、大、綆、短、不、可、汲、

七者追攀人事、日精日專、惰而不收、何則法  
句喻經云、如累香之帝、繫魚之索、夫物本  
淨、皆因緣以興、罪福、友、賢、明、則道義日隆、友  
愚、暗、則殃禍日集、猶如帝索、近香則香、近臭  
則臭、漸染翫習、各不自覺、故先德云、休、休、  
及早修、晴、乾、不肯去、直待雨淋頭、此等之人、  
隨順業輪、已喪道本、故不肯收也、  
八者以佛法作人情、惰而不收、何則、祇因才

如芭蕉水沫、無常似焰影電光、雖漚啖而反  
作冤讐、每將養而罔知恩報、廣誚非一、難可  
具言、若不審此深懣、遂乃廣敘保護、迷斯為  
是而不進修、則智行兩虧、理事俱失、須先厭  
惡知非、而慾火潛消、苦切對治了本、而真元  
自現耳、凡此之流、皆因內無智照、喪本驟末、  
朝隨群動、暮隨群動、汩亂真源、昏濁性水、凡  
如此者、故不肯收也。

路頭向甚處去、寔乃徒入空門、虛生浪死、如  
此之流、為衣食故、為求安樂故、如此出家、可  
悲可痛、豈不知寶積經云、觀身有四十種過  
患、或云貪欲之獄、恆為煩惱之所繫縛、臭穢  
之坑、常被諸蟲之所啜食、似行廁而五種不  
淨、若漏囊而九孔常穿、嗔恚毒蛇、起害心而  
傷殘慧命、愚痴羅刹、執我見而吞噉智身、猶  
惡賊而拳世皆嫌、類死狗而諸賢並棄、不墜

福謝、天人厭之、為師友累、如此之人、故不肯  
放也、

六者身雖出家、不肯安心入道、隨順法空、唯  
保幻軀、裝模做樣、墮而不牧、何則、故天如和  
尚云、近世有等出家、雖曰離俗、俗習不除、盡  
曰出塵、塵緣不斷、經教固不知、參禪又不曾、  
心猿易走、意馬奔馳、作隊成群、打開過日、非  
但虛消信施、亦乃埋沒己靈、眼光落地之時、



隨緣任運、非是無作、錯認祖機、執礫為玉、  
誠可哀憐、此等錯解、即不肯救也、

五者依阿權勢、墮而不肯救、何則、祇不知廉  
耻、務名譽矜豪、忘道德廢法律、捨執度、任私  
情、而致然也、反譏淳素為鄙樸、反獎囂浮為  
俊敏、是以恣情逸欲、不知羞耻、自能諂奉勢  
位、倚託于權貴之門、圖取聲利、充此之流、不  
體道本、沒溺愛河、欲海、自甘沉墜、一旦禍盈

顛倒、疑誤後人、當知執空破相、皆是魔屬、仁  
尔一切空、生空、死空、爭奈閻羅大王空、不得  
何、誠可憫尔、此等之人、執空、即不肯救也、  
四者、隨緣墮、而不肯救、何則、古人云、隨緣消  
舊業、任運著衣裳、但順天真、萬行自圓、攀足  
下足、誰非淨業、何用種々作為、又先德云、即  
心即佛、何假修行、此等之人、如犬逐塊、尔不  
識祖師門中一期之語、因病施藥、是故當知

人稍窺法空、聞人誦經念佛禮拜、作種種行  
門、卽曰法離名字、若徇假名權說、轉益虛妄、  
此等之人、心口相違、爾豈不見楞嚴經云、若  
彼定中、諸善男子、見色陰消、受陰明白、自謂  
已足、則有一分大我慢、魔入其心腑、謂三祇  
劫一念能越、心中尚輕十方如來、何況下位  
聲聞緣覺、不禮塔廟、輕慢經像、此是金銅土  
木、却謂肉身真常、不自恭敬、却崇土木、寔為

明人學涉獵教典、記注章句、執法身之假名、  
析名相之分齊、東緝西補、竟月窮年、各爭已  
見、無寔行履、是故當知、饑兒過屠門而大嚼、  
止益饒心、無救樗腹、此等之人、務口頭禪客、  
雖記注章句、心懷我慢、以驕凌物、此僧中第  
一粗行、况無真寔功行、徒增口業、深可憐憫、  
如此之人、故不肯收也、  
三者痴空墮、而不肯收、何則、古人云、學道之

句、隨語生解、隨解發毒、放恣狂言、罪不可得  
故、但騁口頭解脫、則乘戒俱失、全不修行、故  
永明和尚云、帶習尚被業境牽、現行豈逃緣  
縛、如云千日學解、不如一日持戒、如何貪語  
解之虛名、受泥犁之寔禍、欺已誑人、枉遭論  
墜、祇是狂吠之徒、可憐憫尔、此等之人、卽不  
肯收也、

二者支離墮、而不肯收、何則、祖師云、多有聰

慣憐羈旅之人，落地寒生，備識窮途之苦，無法可救，是見必訶。貴幸順佛言，莫依魔教。僕今分明說破，說破又被人憎。古云：當言不避截舌，是以畧攀此土僧中，有五墮五墮，共十種人未肯收也。

一者狂妄縱恣，墮而不肯收，何則？教中云：有等魔民，專逞狂慧，不肯持戒修行，妄取經中相似語言，曰：煩惱卽菩提，姪怒痴卽梵行之。

喧、但說人間雜話、饕餮因循、荏苒人間、遂成  
踈野、反顛應赴之流、以圖利養、忘却初心、辜  
負出家之志、爾、何時息意忘緣、迴光返省、而  
肯牧耶、等類、而推、總云未牧也。

未牧直論

夫一切迷情、依諸見起、履之則為稠林、溺之則  
為熱海、如蚕作繭、佳處為受縛之因、似蛾赴  
燈、依光明作喪生之本、故先達云、拋家蕩子、

園工商、一切人等、生涯活計、插秧下種、運水  
搬柴、或洗染縫紉、紡綿績苧、收晒舂磨、執棍  
施為、辛勤顧管、奔波勞碌、日所用灑拭曉夜尋  
思、千方百計、若說當家之事、微細多端、筆不  
能盡、祇因業根深重、日裡茫茫、如何救得、上  
自天子、下至庶人、姑置之勿論、至若此土、  
佛門四輩弟子等、宿資少善、生人道、幸遇遺  
風、得出家、披緇削髮、濫膺恭敬、喫了聚頭、喧



攀矣、自天子未救者何、此乃身居富貴、子女  
玉帛、珍寶庫藏、日應萬機、何暇而迴光返省  
且能救耶、以至王侯之位未救者何、皆因子  
女玉帛、妻妾閔心、又有征伐之權、侵凌之謀  
因此故不能救也、至若公卿士大夫等、媚權  
寵祿、名譽矜豪、或浚民之膏澤、以克寔之、只  
圖貴顯一身、因此故不能救、至如士子、苦志  
寒心、圖取功名榮貴、何暇而能救耶、以及農

有心必佛，祇因一切衆生，具有如來智慧德相，皆因妄想執著而不證得，是以於法菩提場，卽說華嚴經，乃一乘圓頓微妙法門，開示衆生見性成佛真秘典者也。又大學孔氏之遺書云：自天子以至於庶人，一是皆以修身為本。然此法門前云未牧者，猶云未覺未覺，卽未修未修，乃未牧也。如教中云：自天子以至於庶人，則其中王侯公卿士大夫等，可知兼

故奮起念頭妄為之註，以公通識，仍於昏上  
陳言，又復贅為直說，畧引數條，或至理未明，  
謬譚非義，願賜懺悔，倘或言辭閎理，乞廣流  
通，庶不負此願也。曰：聖人空費老婆心，知音  
不在頭，攀茲於未救初條，聊為拈出，祇因  
迷時須假三乘教，悟後方知一字無，昔

釋迦如來，直往雪山，捨萬乘尊榮，受六年饑凍，  
於臘月八日，夜觀明星，初成正覺，嘆曰：奇哉。

言不貴無益之虛譚，安貴醒人之警語也。古  
人有云：因疑致問，離匣之寶劍為斬不平，引  
荅破疑，出鼎之靈丹欲療既病。諸仁者，各請  
立地定著精神，一念迴光，豁然自照，何異空  
中紅日，獨運無私，盤內明珠，不撥自轉者。此  
時若不究根源，直待當來問弼，勒何太遲也。  
僕雖庸昧，學問荒疎，行解京薄，適見牧牛圖  
頌，是道人本分上事，然文畧義幽，意深像顯，

牧牛圖頌論解卷上

越南畿內 比丘廣智法聰論解。

未收直說

替首圓滿徧知覺 皈依十二修多羅

南無十方諸賢聖 同震威光俯照臨。弟子伸言

嘗謂藥不必參苓丹石。愈病者良。言不必雄譚

博論。啟迷者妙。故庸醫之所棄者。盧扁之所

取也。任士之所輕者。智士之所重焉。是知立

辨為據而間附己意一二。欲方便少補。以便  
初機。何當撰集耶。譬如病無一證。藥無苟方。  
故云病除藥貴。雖便溺藥即是甘露。異證苟方。  
雖參苓化為鴆毒。豈謂玉屑珊瑚是無上妙  
藥耶。倘若佛門弟子初機者。貴修身而有鑑  
尔。逞狂慧必有忽焉。則某亦難逃笑哂。吾無  
強諸。故序 時

永盛十五年己亥臘八佛成道日謹識於海天佛國

誘引之。會編充棟者。今此法門牧牛圖。未知出於何手。而亦倣于佛經。聚以祖教品。列為十。始於未牧。終於雙泯。其牛初黑漸白。以至於無。粲然盡白。而普明禪師復一一係之以頌。其為圖也。像顯而意深。其為頌也。言近而旨遠。誠學人之嘉惠。裨益良多。方便不少。然惟其圖者。乃直指之法門。而惜缺無直引。謹雖不揣固陋。竊取古人成語。復採摭經文。徵

直指示惟頓。惟圓。或天上。或人中。不背教主。若若趣若沉淪。尤親佛意。纖塵不礙。雖覆暗亦覩光明。眾德圓常。縱無緣。皆當攝授也。迨至達磨西來。開九年之面壁。後以單傳直指。以心印心。復出二祖神光。立雪參請。斷臂安心。故云繼嗣得人。再自此而下。祖々相承。或寤寐真詮。或揄揚覺路。或說法語。或為小參。或為開示。或為警策。或為箴銘。種々警進而



牧牛圖自序

夫佛祖出興者。皆因利生願重。愍物情深。故有多門施設。雖云人人本具。一性圓明。皆因無明妄念。遽再輪迴。何常返省。於是時

釋迦文佛。捨皇宮而直往雪山。示六年之若行。後乃說法利生。闡大哀之沃慈。拔幽根於重劫。一極悲心。發窮源之真唱。極昏迷於失性。故三乘教法。隨機而橫說。豎說。於一乘妙道。

拙辭不足以瀆<sup>辨</sup>

聖覽。臣竊窺祖機精蘊。假以牧牛之為。

聖學淵深。問及調牛之智。臣等不揣固陋。具疏

恭進以聞。

永盛十六年五月十五日

牧牛之為。臣於此時不詳申白。今者謹將舊本句解重加披閱。或理解未瑩。增改數語。或支蔓不切。即行刪除。新編一本。圖上加圖。裝帙進呈。伏望

聖上萬機。有暇時一披閱。或言句中錯解者。伏乞抹塗。或言句中切當者。願廣流通。庶使學人。於舊習不至遺亡。或新知日益開豁。以便後來。修進之士。寔為有補。然於句解中淺近

天恩浩蕩。問及俗家之緣。佩

聖德弘敷。譚及出家之事。前捨業已幾年。志

林泉。曾為何業。臣伏見

佛心天子。每不忘付囑金言。革故鼎新。使佛地  
規模輪奐。得便軍民。觀有誠。瞻有主。假以種  
因。曉諭黎元。罪可滅。福可臻。共培後果。寶鈔  
靡筭。每三元供。以為常。佛法志殷。每四季給  
之不缺。臣等下情不勝欣喜之至。又蒙問及

進聖牧牛圖頌疏上

鎮海官寺僧法聰號廣智

謹具題於己亥年三月蒙

聖駕幸臨彌陀之日。乃眾僧俯伏接駕之時。臣

特蒙召入沐

聖心眷愛。賜坐賜茶。仰

聖意惟容。問終問始。臣情悚惧。隨荅隨申。眼不

敢瞻。叩首頓首。荷

十牧牛圖誦論解

## MỤC LỤC

Lời giới thiệu . . . . .	7
Lời đầu sách . . . . .	11
Luận giải các bài tụng tranh chắn trâu . . . . .	13
Bài tựa tranh chắn trâu . . . . .	17

### *Quyển thượng*

Luận giải về các bài tụng tranh chắn trâu . . . . .	21
Luận về chưa chắn . . . . .	27
Nói về lúc mới chắn . . . . .	37
Luận thắng về lúc mới chắn . . . . .	45

### *Quyển hạ*

Luận giải về các bài tụng tranh chắn trâu . . . . .	53
Bài tụng của Phổ Minh Thiền sư	
Về tranh thứ nhất — Chưa chắn (Vị mục) . . . . .	58
Về tranh thứ hai — Mới dất (Sơ điều) . . . . .	63
Về tranh thứ ba — Chịu phép (Thọ chế) . . . . .	66
Về tranh thứ tư — Quay đầu (Hồi thủ) . . . . .	69
Về tranh thứ năm — Ngoan ngoan (Thuần phục) . . . . .	73
Về tranh thứ sáu — Không ngại (Vô ngại) . . . . .	76
Về tranh thứ bảy — Theo cuộc (Nhậm vận) . . . . .	79
Về tranh thứ tám — Quên nhau (Tương vong) . . . . .	83
Về tranh thứ chín — Riêng chiếu (Độc chiếu) . . . . .	88

Về tranh thứ mười — Cả hai đều vắng bật (Song dận) . . . . .	91
Tổng luận về tướng viên giác tịch quang và chân không diệu hữu . . . . .	95
Các chú thích . . . . .	101
Nguyên tác Hán ngữ . . . . .	110